

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC QUẢN LÝ,
BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ; ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA;
HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG, CÂY XANH, VỈA HÈ,
HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

Định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng đơn giá, giá dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nam Định được biên tập từ Định mức kinh tế kỹ thuật đã được Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng ban hành còn hiệu lực và đang được áp dụng:

- Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

- Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Thông tư số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07/10/2013 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam.

- Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

- Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị;

- Quyết định số 594/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định bao gồm:

1.1. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cầu, đường bộ

- Công tác quản lý bao gồm các hạng mục công việc như: Tuân đường; Đếm xe bằng thủ công; Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bão lũ; Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đấu nối giao thông; Kiểm tra cầu....

- Công tác bảo dưỡng gồm các hạng mục công việc như: Vệ sinh mặt đường bằng thủ công; Bạt lê đường; Phát quang cây cỏ; Vệ sinh mặt biển phản quang; Nắn chỉnh, tu sửa biển báo; Nắn sửa cọc tiêu, cọc mốc lộ giới,...; Nắn sửa cột Km; Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước; Vệ sinh khe co dãn cầu; Vệ sinh mố cầu....

1.2. Công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa

Công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa bao gồm các hạng mục công việc như: Tổ chức kiểm tra tuyến, kết hợp bảo dưỡng thường xuyên toàn bộ tuyến luồng; Kiểm tra đột xuất sau thiên tai; Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu; Phát quang quanh báo hiệu...

1.3. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục công việc như: Chăm sóc hệ thống cây xanh; Duy trì điện chiếu sáng...

1.4. Định mức này không áp dụng đối với: Các công trình đường bộ có quy trình bảo trì riêng, hệ thống đường chuyên dùng.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường bộ trên địa bàn tỉnh Nam Định.

III. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

1. Định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

Định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ bao gồm:

- Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời lẻ cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác bảo dưỡng. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí vật liệu chính. Mức hao phí vật liệu trong định mức này đã bao gồm hao hụt vật liệu ở khâu thực hiện bảo dưỡng.

- Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác bảo dưỡng (bao gồm cả công nhân phụ). Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, phụ kể cả công tác chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường. Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác bảo dưỡng.

- Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng máy và thiết bị thi công trực tiếp phục vụ để hoàn thành công tác bảo dưỡng.

2. Định mức quản lý, bảo trì đường thủy nội địa

Định mức quản lý, bảo trì đường thủy nội địa bao gồm:

- Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu (bao gồm vật liệu chính và vật liệu phụ) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác bảo trì đường thủy nội địa. Mức hao phí vật liệu quy định trong định mức này đã bao gồm hao hụt vật liệu khi thi công. Vật liệu phụ được tính bằng 2% giá trị vật liệu chính.

- Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp và công nhân phục vụ để thực hiện khối lượng công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa.

+ Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành đơn vị khối lượng công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa từ khâu chuẩn bị tới khâu kết thúc, thu dọn hiện trường.

+ Cấp bậc công nhân quy định trong tập định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa.

- Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng phương tiện, máy và thiết bị chính trực tiếp thực hiện (kể cả phương tiện, máy và thiết bị phụ phục vụ) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa.

3. Định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu khác cần thiết cho việc hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu. Mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí vật liệu chính.

- Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công theo cấp bậc.

- Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp thi công, máy phục vụ cần thiết (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy phục vụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp thi công.

Chương II
MỘT SỐ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC
QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ

I. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ, CẦU CÓ CHIỀU DÀI TỪ 300m TRỞ XUỐNG

1. Khối lượng công tác quản lý

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Định ngạch
1	QLD.10100	Tuần đường	Xác định theo tần suất kiểm tra 365 ngày/năm
2	QLD.10200	Đếm xe	Xác định theo tần suất đếm 01 lần/tháng/trạm đếm hoặc theo yêu cầu thực tế
3	QLD.10300	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bão lũ	Xác định theo tần suất kiểm tra 14 lần/năm hoặc theo yêu cầu thực tế
4	QLD.10400	Trực bão lũ	Xác định theo 40 km/năm (số km Hạt quản lý trung bình)
5	QLD.10500	Đăng ký đường	Xác định theo tần suất 10 - 15 năm đăng ký 1 lần
6	QLD.10600	Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối	Xác định theo 01 km/năm

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Mặt đường bê tông nhựa	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường bê tông xi măng
1	BDD.20100	Đắp phụ nền, lề đường	m ³ /km/năm	20	20	20
2	BDD.202000	Hót sứt nhỏ	m ³ /km/năm			
3	BDD.203000	Bạt lề đường	lần/năm	1	1	1
4	CX1.02.10	Cắt cỏ	lần/năm	6	6	6
				Hoặc theo yêu cầu thực tế		
5	BDD.20500	Phát quang cây cỏ	lần/năm	2	2	2
				Hoặc theo yêu cầu thực tế		
6	BDD.206000	Vét rãnh hở	lần/năm	2	2	2
				Hoặc theo yêu cầu thực tế		
7	BDD.20700	Vét rãnh kín	lần/năm	1	1	1
8	BDD.20800	Sửa chữa rãnh xây gạch	% tổng diện tích rãnh	1% hoặc xác định theo thực tế		
9	BDD.20900	Sửa chữa rãnh xây đá	% tổng diện tích rãnh	1% hoặc xác định theo thực tế		
10	BDD.21000	Bổ sung nắp rãnh bê tông, nắp hố ga	% tổng chiều dài rãnh	0,5	0,5	0,5

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Mặt đường bê tông nhựa	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường bê tông xi măng
11	BDD.21100	Thông công, thanh thải dòng chảy	lần/năm	2	2	2
12	BDD.21200	Sửa chữa nứt tường đầu, tường cánh cống		Xác định theo thực tế		
13	BDD.21300	Vệ sinh mặt đường	lần/tháng	Theo TCCS 07:2013/TCĐBVN		
14	BDD.21400	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc (1 lớp; 2 lớp)	m ² /km/năm	150	250	
15	BDD.21500	Xử lý cao su, sinh lún	m ² /km/năm	7	45	
16	BDD.21600	Vá ô gà, cọc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường	m ² /km/năm	40	100	
17	BDD.21700	Sửa chữa khe nứt đơn mặt đường nhựa		Xác định theo thực tế		
18	BDD.21800	Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng	m dài/km/năm			20
19	BDD.21900	Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng	m dài/km/năm			10
20	BDD.22000	Sơn biển báo + cột biển báo và cột khác (chất liệu biển báo, cột bằng thép)	% tổng diện tích	30	30	30
21	BDD.22100	Sơn cọc H, cột Km (chất liệu cột bằng bê tông xi măng)	% tổng diện tích	50	50	50
22	BDD.22200	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí (chất liệu cọc, cột bằng bê tông xi măng)	% tổng diện tích	50	50	50
23	BDD.22300	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	% tổng số cọc	5	5	5
24	BDD.22400	Nắn sửa cột Km	% tổng số cột Km	2	2	2
25	BDD.22500	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo	% tổng số biển báo	2	2	2
26	BDD.22600	Thay thế, bổ sung cột biển báo, cột biển báo	% tổng số biển báo, cột biển báo	0,5	0,5	0,5
27	BDD.22700	Thay thế cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	% tổng số cọc	3	3	3

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Mặt đường bê tông nhựa	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường bê tông xi măng
28	BDD.22800	Dán lại lớp phản quang biển báo	% tổng diện tích	10	10	10
29	BDD.22900	Vệ sinh mặt biển phản quang	lần/năm	2	2	2
30	BDD.23000	Sơn dặm vạch kẻ đường	m ² /km/năm	20	20	20
31	BDD.23100	Bổ sung đá mái ta luy	% tổng khối lượng theo thể tích (m ³)	0,05	0,05	0,05
32	BDD.23200	Thay thế tấm bê tông mái ta luy	% tổng số tấm	0,05	0,05	0,05
33	BDD.23300	Sửa chữa tường hộ lan bằng đá xây	% tổng khối lượng theo thể tích (m ³)	0,5	0,5	0,5
34	BDD.23400	Bảo dưỡng đảo giao thông		Xác định thực tế theo đảo		
35	BDD.23500	Thay thế tôn lợp sóng	% tổng chiều dài hoặc tổng số tấm	1	1	1
36	BDD.23600	Vệ sinh dải phân cách, tường phòng hộ tôn lợp sóng	lần/năm	2	2	2
37	BDD.23700	Thay thế trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm	% tổng số trụ (hoặc % tổng số m)	1	1	1
38	BDD.23800	Sơn trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm	% tổng diện tích	30	30	30
39	BDD.23900	Vệ sinh, bắt xiết bu lông tấm chống chói	lần/năm	1	1	1
40	BDD.24000	Thay thế tấm chống chói	% tổng số tấm	1	1	1
41	BDD.24100	Nấn sữa, vệ sinh trụ dèo	lần/năm	4	4	4
42	BDD.24200	Thay thế trụ dèo	% tổng số trụ	1	1	1
43	BDD.24300	Sơn bảo dưỡng rào chắn khung lưới thép	% tổng diện tích	30	30	30
44	BDD.24400	Vệ sinh mặt phản quang, gương cầu lồi	lần/năm	4	4	4
45	BDD.24500	Thay thế mặt phản quang	% tổng số mặt phản quang	1	1	1
46	BDD.24600	Bảo dưỡng thay thế đỉnh phản quang	% tổng số lượng đỉnh	5	5	5
47	BDD.24700	Bảo dưỡng đường cứu nạn	lần/năm/1 đường cứu nạn	1	1	1

Ghi chú: Đối với các công tác bảo dưỡng thường xuyên có đơn vị tính là km/năm được tính bình quân cho toàn bộ tuyến đường quản lý.

Khối lượng công tác bảo dưỡng có Mã hiệu BDD.21400, BDD.21500, BDD.21600, BDD.21800, BDD.21900 là khối lượng tính cho đường cấp III (phần mặt đường dành cho xe cơ giới rộng 7m). Đối với đường cấp khác, căn cứ theo bề rộng phần mặt đường dành cho xe cơ giới và thời gian khai thác, lấy hệ số điều chỉnh tại các bảng sau:

Bảng 1. Hệ số điều chỉnh theo bề rộng mặt đường

TT	Loại mặt đường	Mặt đường tính toán trong định mức		Mặt đường cần điều chỉnh	
		Bề rộng (m)	Hệ số	Bề rộng (m)	Hệ số
1	Bê tông nhựa	7	1	6	0,97
2	Bê tông xi măng	7	1	6	0,98
3	Đá dăm nhựa	7	1	6	0,92

Ghi chú: đối với các loại mặt đường có bề rộng phần xe cơ giới khác, dùng phương pháp nội hoặc ngoại suy.

Bảng 2. Hệ số điều chỉnh theo thời gian khai thác công trình

(Tính từ lần sửa chữa toàn bộ mặt đường gần nhất)

TT	Loại mặt đường	1 - 3 năm	4 - 6 năm	7 - 9 năm	Trên 9 năm
		Tốt	Vừa	Xấu	Rất xấu
1	Bê tông nhựa 2 lớp	0,55 - 0,63	0,67 - 0,75	0,80 - 0,88	1,0
2	Bê tông nhựa 1 lớp	0,57 - 0,69	0,75 - 0,88	0,94 - 1,06	1,2
3	Bê tông xi măng	0,53 - 0,58	0,60 - 0,65	0,68 - 0,73	0,8
4	Đá dăm nhựa	0,58 - 0,72	0,79 - 0,93	1,00 - 1,14	1,3

Bảng 3. Hệ số tính đến lưu lượng xe

TT	Tuyến đường có lưu lượng xe thiết kế (xe/ngày đêm)	Hệ số	Hệ số tính toán khi lưu lượng tăng thêm
1	Lớn hơn 5000	1	1
2	5000	1	$1 + 0,008 \times n/10$
3	2000	1	$1 + 0,007 \times n/10$
4	500	1	$1 + 0,005 \times n/10$
5	100	1	$1 + 0,017 \times n/10$

Ghi chú: Lưu lượng xe/ngày đêm tính theo đầu xe đếm được đã quy đổi; n là lưu lượng xe tăng so với lưu lượng thiết kế ban đầu của đoạn đường cần tính.

3. Khối lượng công tác quản lý cầu có chiều dài ≤ 300 m

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	QLC.10100	Kiểm tra cầu	lần/cầu/tháng	1
2	QLC.10200	Đăng ký cầu	năm/cầu/lần	10 ~ 15
3	QLC.10300	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão	lần/cầu/năm	2
4	QLC.10400	Cập nhật tình trạng cầu và quản lý hồ sơ	cầu/năm	Xác định theo cầu

4. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu có chiều dài ≤ 300 m

TT	Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	BDC.20100	Sửa chữa lan can cầu bằng bê tông	% tổng chiều dài lan can	1
2	BDC.20200	Sơn lan can cầu bằng thép	% diện tích lan can	30%
3	BDC.20300	Sơn lan can cầu bằng bê tông	% diện tích lan can	50%
4	BDC.20400	Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mô cầu	m ³ /cầu/năm	0,4
5	BDC.20500	Bôi mỡ gối cầu thép	lần/năm	2
6	BDC.20600	Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước	lần/năm	6
7	BDC.20700	Thay thế ống thoát nước	% tổng chiều dài ống	1
8	BDC.20800	Bảo dưỡng khe co giãn thép	% tổng chiều dài khe co giãn	0,5
9	BDC.20900	Vệ sinh khe co giãn cầu	lần/năm	4
10	BDC.21000	Vệ sinh mô cầu	lần/năm	4
11	BDC.21100	Vệ sinh trụ cầu	lần/năm	1
12	BDC.21200	Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún trời mặt cầu	% tổng diện tích mặt cầu	3
13	BDC.21300	Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	lần/năm	2
14	BDC.21400	Vệ sinh nút liên kết dầm - dầm của cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	lần/năm	2
15	BDC.21500	Sơn lẻ tế cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	m ² /m dài cầu/năm	Dầm thép: 0,3 Liên hợp: 0,1
16	BDC.21600	Kiểm tra, bắt xiết bu lông cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	lần/năm	1
17	BDC.21700	Phát quang cây cỏ	lần/năm	4
18	BDC.21800	Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng)		Theo thực tế
19	BDC.21900	Thanh thải dòng chảy dưới cầu		Theo thực tế
20	BDC.22000	Vệ sinh lan can cầu bằng thép mạ chống gỉ	lần/năm	2

II. ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN

1. Quản lý đường bộ

QLD.10100 Tuàn đường

Thành phần công việc:

- Theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường bộ; phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; xử lý các trường hợp hư hỏng nhỏ không cần vật tư thiết bị (cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo; bu lông bị lỏng, tuột; đá lăn, cây đổ, vật liệu rơi vãi trên đường, nước tràn qua đường khi mưa hoặc các hư hỏng tương tự khác) hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý;

- Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính, xác định điểm đen tai nạn giao thông.

Đơn vị: 01 km/tháng

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường cấp I, II	Đường cấp III		Đường cấp IV, V, VI
					Trong đô thị	Ngoài đô thị	
QLD.101	Tuàn đường	<i>Vật liệu</i> Xăng <i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	lít công	0,875	0,837	0,798	0,760
				1,352	1,106	0,936	0,716
				10	20	30	50

QLD.10200 Đếm xe bằng thủ công

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị; Đếm xe 2 chiều trên 1 mặt cắt ngang của đường.

Đơn vị: 01 lần/trạm đếm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trạm chính			Trạm phụ		
				Đường cấp I-II	Đường cấp III-IV	Đường cấp V-VI	Đường cấp I-II	Đường cấp III-IV	Đường cấp V-VI
QLD.102	Đếm xe bằng thủ công	<i>Vật liệu</i> Giấy A4 Bút <i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	tờ cái công	70	56	42	40	32	24
				7	5	3	7	5	3
				42	28	14	28	20	10
				10	20	30	40	50	60

Ghi chú: Khi thực hiện đếm xe bằng máy thì không áp dụng định mức trên.

QLD.10300 Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bão lũ

Thành phần công việc:

Kiểm tra hiện trường: nền, mặt, thoát nước (cống, rãnh), báo hiệu, tình trạng cầu, công trình (kè, ngầm, tường chắn,...); cập nhật vào hồ sơ quản lý, báo cáo.

Đơn vị: 01 km/1 lần

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường cấp I, II	Đường cấp III	Đường cấp IV, V, VI
QLD.103	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bão lũ	<i>Vật liệu</i>	lít	0,029	0,028	0,025
		Xăng <i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	0,075	0,05	0,037
				10	20	40

QLD10400 Trục bão lũ*Thành phần công việc:*

Trục đảm bảo xử lý các tình huống đột xuất trong mưa bão, lũ lụt.

Đơn vị: 01 km/năm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
QLD.104	Trục bão lũ	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	4
				10

QLD.10500 Đăng ký đường*Thành phần công việc:*

Hoàn thiện hồ sơ đăng ký đường để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

Đơn vị: 10 km

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
QLD.105	Đăng ký đường	<i>Vật liệu</i>		
		Bình đồ duỗi thẳng (khổ A0, tỷ lệ 1/2000)	tờ	5
		Sổ ghi chép A4 (36 trang)	quyển	1
		Bút	cái	1
		<i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	5,63
				10

QLD.10600 Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối*Thành phần công việc:*

Lập, cập nhật hồ sơ quản lý hành lang đường bộ.

Đơn vị: 01 km/năm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đồng bằng
QLD.106	Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	2
				10

Ghi chú: Đối với công tác phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện

những biện pháp ngăn chặn những hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ cần thiết phải cung cấp nhân lực, xe máy phục vụ chính quyền địa phương tổ chức cưỡng chế hành vi vi phạm thực hiện lập dự toán theo từng vụ việc cụ thể.

2. Bảo dưỡng đường bộ

BDD.20100 Đắp phụ nền, lề đường

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; dỡ cỏ, cuốc sửa khuôn; san đất, đầm chặt từng lớp theo quy định, vận chuyển trong phạm vi 100 m; vỡ mái ta luy.

Đơn vị: 01m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.201	Đắp phụ nền, lề đường	<i>Vật liệu</i>		
		Đất cấp phối	m ³	1,425
		<i>Nhân công</i>		
		Bậc thợ 3,5/7	công	1,42
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đầm đất cầm tay 70 kg	ca	0,05
				10

BDD.202000 Hót sọt nhỏ

BDD.202100 Hót sọt nhỏ bằng thủ công

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, phạm vi 30 m; đảm bảo an toàn giao thông; đào xúc lên phương tiện vận chuyển; sửa lại nền, lề đường, rãnh thoát nước.

Đơn vị: 01m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2021	Đào hót đất sọt bằng thủ công	<i>Nhân công</i>		
		Bậc thợ 3,0/7	công	0,45
				10

BDD.202200 Hót sọt nhỏ bằng máy

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, phạm vi 30 m; đảm bảo an toàn giao thông; đào xúc lên phương tiện vận chuyển; sửa lại nền, lề đường, rãnh thoát nước.

Đơn vị: 10m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2022	Hót sọt nhỏ bằng máy	<i>Nhân công</i>		
		Bậc thợ 3,5/7	công	0,50
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đào 0,4 m ³	ca	0,108
				10

BDD.203000 Bạt lê đường**BDD.203100 Bạt lê đường bằng thủ công**

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; bạt lê đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m, xúc lên phương tiện vận chuyển.

Đơn vị: 100 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2031	Bạt lê đường bằng thủ công	<i>Nhân công</i> Bạt thợ 3,0/7	công	1,8
				10

BDD.203200 Bạt lê đường bằng máy

Thành phần công việc:

Chuẩn bị thiết bị; đảm bảo an toàn giao thông; máy san bạt lê đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 100 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2032	Bạt lê đường bằng máy	<i>Máy thi công</i> Máy san 110 CV	ca	0,003
				10

Ghi chú: Định mức trên chưa bao gồm công tác vận chuyển đi đổ. Định mức áp dụng cho đoạn có chiều dài bạt liên tục trên 100m; các đoạn có chiều dài bạt liên tục nhỏ hơn (hoặc bằng) 100 m thì áp dụng hệ số điều chỉnh 1,05 - 1,1.

CX1.02.10 Cắt cỏ bằng máy

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; cắt cỏ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu gom, xúc lên phương tiện vận chuyển.

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Thảm cỏ thuần chủng	Thảm cỏ không thuần chủng
CX1.02.10	Phát thảm cỏ bằng máy	<i>Nhân công:</i> - Bạt thợ bình quân 4/7	công	0,145	0,108
		<i>Máy thi công:</i> - Máy cắt cỏ công suất 3 CV	ca	0,0603	0,045
				1	2

BDD.20500 Phát quang cây cỏ bằng thủ công*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; phát cây ven đường bằng thủ công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu gom, xúc lên phương tiện vận chuyển.

Đơn vị: 01 km/1 lần

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Trung du	
BDD.205	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	8,8	
				10	

Ghi chú: Định mức trên áp dụng với đường đi qua khu vực trung du (có taluy dương, cây cối rậm rạp), với đường đi qua khu vực đồng bằng áp dụng hệ số chiết giảm 0,4 - 0,6 so với khu vực trung du; đường qua đô thị (có vỉa hè, hai bên là nhà dân đông đúc) không có công tác này. Đơn vị tính 01 km/1 lần được xác định là 01 km bình quân theo chiều dài của tuyến đường.

BDD.206000 Vét rãnh hở**BDD.206100 Vét rãnh hở bằng máy***Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị; đảm bảo an toàn giao thông; vét bùn đất trong lòng rãnh, xúc đổ lên phương tiện vận chuyển.

BDD.206110 Vét rãnh hở hình chữ nhật bằng máy*Đơn vị: 10 m*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Rãnh chữ nhật	
				Lòng rãnh ≤ 80cm	Lòng rãnh ≤ 60cm
BDD.20611	Vét rãnh hở hình chữ nhật bằng máy	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7 <i>Máy thi công</i> Máy đào 0,4m ³	công	0,048	
				ca	0,036
			0,045		0,033
			1	2	

BDD.206120 Vét rãnh hở hình thang bằng máy (kích thước 120 x 40 x 40cm)*Đơn vị: 10 m*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.20612	Vét rãnh hở hình thang bằng máy	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7 <i>Máy thi công</i> Máy đào 0,4m ³	công	0,030
			ca	0,028
				1

BDD.206200 Vết rãnh hở bằng thủ công**BDD.206210. Vết rãnh hở hình tam giác bằng thủ công***Đơn vị: 10 m*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.20621	Vết rãnh hở hình tam giác bằng thủ công (rãnh rộng mặt 0,4 m, sâu 0,2 m)	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	0,2
				1

BDD.206220 Vết rãnh hở hình chữ nhật bằng thủ công*Đơn vị: 10 m*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Lòng rãnh ≤ 80cm	Lòng rãnh ≤ 60cm
				Chiều sâu 0,1m	Chiều sâu 0,1m
BDD.20622	Vết rãnh hở chữ nhật bằng thủ công	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	0,235	0,18
				1	2

BDD.206230 Vết rãnh hở hình thang bằng thủ công (kích thước rãnh 120 x 40 x 40 cm)*Đơn vị: 10 m*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.20623	Vết rãnh hở hình thang bằng thủ công	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	0,21
				1

BDD.20700 Vết rãnh kín**BDD.20710 Vết rãnh kín bằng thủ công***Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; tháo nắp rãnh, vét bùn đất trong lòng rãnh, xúc lên phương tiện vận chuyển, phạm vi 100 m; đập nắp rãnh, hoàn thiện, dọn dẹp công trường.

Đơn vị: 10m

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Lòng rãnh 80cm	Lòng rãnh 60cm
				BDD.2071	Vết rãnh kín bằng thủ công
				1	2

BDD.20720 Vết rãnh kín bằng máy*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, máy; đảm bảo an toàn giao thông; tháo nắp rãnh, vét

bùn đất trong lòng rãnh, xúc lên phương tiện vận chuyển, phạm vi 100 m; đây nắp rãnh, hoàn thiện, dọn dẹp công trường.

Đơn vị: 10m

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Lòng rãnh 80cm	Lòng rãnh 60cm
BDD.2072	Vết rãnh kín bằng máy	<i>Nhân công</i> Bạc thợ 3,5/7 <i>Máy thi công</i> Máy đào $\leq 0,4m^3$	công	0,064	0,04
			ca	0,045	0,033
				1	2

Ghi chú: Đối với các rãnh có kích thước khác, định mức được tính trên cơ sở nội suy, ngoại suy theo diện tích mặt cắt ngang của rãnh có cùng dạng thiết kế.

BDD.20800 Sửa chữa rãnh xây gạch

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; phá dỡ, xúc lên phương tiện vận chuyển; trộn vữa, xây lát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Rãnh xây tường đơn	Rãnh xây tường đôi
BDD.208	Sửa chữa rãnh xây gạch	<i>Vật liệu</i> Gạch chỉ (105 x 220 x 60) cm Vữa xi măng M100 <i>Nhân công</i> Bạc thợ 3,5/7	viên	68	136
			m ³	0,05	0,115
			công	0,35	0,65
				10	20

BDD.20900 Sửa chữa rãnh xây đá

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; phá dỡ, xúc lên phương tiện vận chuyển; trộn vữa, xây lát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.209	Sửa chữa rãnh xây đá	<i>Vật liệu</i> Đá hộc Đá dăm Vữa xi măng M100 <i>Nhân công</i> Bạc thợ 3,5/7	m ³	0,315
			m ³	0,015
			m ³	0,11
			công	0,513
				10

BDD.21000. Bổ sung nắp rãnh bê tông, nắp hố ga*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; tháo nắp tấm bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển; lắp đặt tấm mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; hoàn thiện, vệ sinh sạch sẽ.

Đơn vị: 01 nắp (tám)

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Nắp rãnh bê tông	Nắp hố ga
BDD.210	Bổ sung nắp rãnh bê tông, nắp hố ga	<i>Vật liệu</i>			
		Nắp rãnh bê tông, hố ga	nắp (tám)	1	1
		Vữa xi măng M75	m ³	0,003	0,005
		<i>Nhân công</i>			
		Bậc thợ 3/7	công	0,11	0,17
				10	20

BDD.21100. Thông cống, thanh thải dòng chảy*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; nạo vét đất bùn trong lòng cống; vận chuyển đến nơi quy định, phạm vi 30m; thu dọn hiện trường.

Đơn vị: m dài cống

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ø ≥ 1m	Ø ≤ 1m
BDD.211	Thông cống, thanh thải dòng chảy	<i>Nhân công</i>			
		Bậc thợ 3/7	công	0,196	0,167
				10	20

BDD.21200 Sửa chữa nứt tường đầu, tường cánh cống*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 30m; đục theo vết nứt, vệ sinh sạch sẽ, trám các nứt vỡ tường đầu, tường cánh cống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 10m dài vết nứt

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.212	Sửa chữa nứt tường đầu, tường cánh cống	<i>Vật liệu</i>		
		Vữa xi măng M100	m ³	0,0082
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công</i>		
		Bậc thợ 4/7	công	0,11
				10

BDD.21300 Vệ sinh mặt đường

BDD.21310 Vệ sinh mặt đường bằng thủ công

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; quét dọn mặt đường, xúc lên phương tiện vận chuyển.

Đơn vị: lần/km

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Đường cấp I-II	Đường cấp III-VI
BDD.2131	Vệ sinh mặt đường bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>	chiếc	0,2	0,1
		Chổi quét			
		<i>Nhân công</i>			
		Bậc thợ 3/7	công	7,50	3,75
				1	2

MT5.01.00 Vệ sinh mặt đường bằng xe quét rác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Xe ô tô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa, lề đường 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h.
- Khi rác đầy thì tiến hành đổ phé thải đúng nơi quy định.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT5.01.00	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	<i>Vật tư:</i>		
		- Chổi xe quét hút	bộ	0,004
		- Nước sạch	m ³	0,15
		<i>Máy thi công:</i>		
		- Ô tô quét hút 5-7m ³	ca	0,04

Ghi chú: Định mức này quy định hao phí nhân công và máy thi công công tác quét đường phố bằng cơ giới của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, khu vực ngoài đô thị, định mức nhân công và máy thi công được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: K = 0,95.
- + Đô thị loại II: K = 0,85.
- + Các loại đô thị loại III ÷ V, khu vực ngoài đô thị: K = 0,80.

BDD.21400 Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc

BDD.21410 Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc (láng nhựa một lớp)

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, máy, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ mặt đường; láng nhựa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; dọn dẹp, hoàn thiện.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa một lớp			
				Nhựa 0,7 kg/m ²		Nhựa 0,9 kg/m ²	
				Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy	Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy
BDD.2141	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc (một lớp)	- <i>Vật liệu</i>	m ³	0,055	0,055	0,073	0,073
		+ Đá mặt 0,015 ÷ 1mm (hoặc cát)	kg	7,63	7,63	9,63	9,63
		+ Nhựa đường	kg				
		- <i>Nhân công</i>	công	0,12	0,08	0,14	0,1
		+ Bạc thợ 3,5/7	ca		0,005		0,0066
		- <i>Máy thi công</i>	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		+ Xe tưới nhựa	ca	0,02		0,025	
+ Lu 8,5T	ca						
+ Nồi nấu nhựa	ca						
+ Máy khác	%		5	5	5	5	
				1	2	3	4

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa một lớp			
				Nhựa 1,1 kg/m ²		Nhựa 1,5 kg/m ²	
				Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy	Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy
BDD.2141	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt	- <i>Vật liệu</i>	m ³	0,103	0,103	0,166	0,166
		+ Đá mặt 0,015 ÷ 1mm (hoặc cát)	kg	11,77	11,77	16,05	16,05
		+ Nhựa đường	kg				
		- <i>Nhân công</i>	công	0,2	0,12	0,27	0,162
		+ Bạc thợ 3,5/7					

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa một lớp			
				Nhựa 1,1 kg/m ²		Nhựa 1,5 kg/m ²	
				Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy	Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy
	đường bong tróc (một lớp)	- Máy thi công + Xe tưới nhựa + Lu 8,5T + Nồi nấu nhựa + Máy khác	ca ca ca %		0,008 0,021 0,03 5		0,01 0,021 0,04 5
				5	6	7	8

BDD.21420 Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc (láng nhựa hai lớp)

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, máy, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ mặt đường; láng nhựa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; dọn dẹp, hoàn thiện.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa hai lớp			
				Nhựa 2,5kg/m ²		Nhựa 3kg/m ²	
				Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy	Tưới nhựa bằng thủ công	Tưới nhựa bằng máy
BDD.2142	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc (hai lớp)	- Vật liệu					
		+ Đá 1 x 2	m ³	0,15	0,15	0,15	0,15
		+ Đá mặt 0,015 ÷ 1mm	m ³	0,15	0,15	0,17	0,17
		+ Nhựa đường	kg	26,75	26,75	32,1	32,1
		- Nhân công					
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,38	0,228	0,46	0,276
		- Máy thi công					
		+ Xe tưới nhựa	ca		0,013		0,015
+ Lu 8,5T	ca	0,03	0,03	0,03	0,03		
+ Nồi nấu nhựa	ca	0,05		0,06			
+ Máy khác	%	5	5	5	5		
				1	2	3	4

BDD.21500 Xử lý cao su, sinh lún

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; Đảm bảo an toàn giao thông; Đào bỏ phần mặt, móng, nền đường đến hết phạm vi hư hỏng; Đắp nền đường bằng vật liệu chọn lọc, đầm nén đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; Rải lớp móng và lớp mặt, đầm nén đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; Thu dọn công trường.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
DD.215	Xử lý cao su sinh lún	- Vật liệu					
		+ Đất cấp phối tự nhiên theo các chiều dày đã lèn ép là 20cm, 30cm, 40cm, 50cm	m ³	2,9	4,35	5,8	7,25
		+ Cấp phối đá dăm (dày 40 cm) 0,075mm - 50 mm	m ³	5,680	5,680	5,680	5,680
		+ Nhựa đường đặc	kg	8,113	8,126	8,138	8,150
		+ Dầu hỏa	lít	4,774	4,782	4,789	4,796
		+ Củi	kg	38,124	38,124	38,124	38,124
		+ Bê tông nhựa nóng hạt trung	tấn	0,949	1,187	1,424	1,662
		+ Lưỡi cắt	lưỡi	0,049	0,049	0,05	0,05
		- Nhân công					
		+ Bạc thợ 4/7	công	13,80	17,00	20,20	23,40
		- Máy thi công					
		+ Lu bánh thép 10 T	ca	0,0184	0,0203	0,0253	0,0278
+ Máy đầm đất cầm tay 70 kg	ca	0,102	0,153	0,204	0,255		
+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29		
+ Nồi nấu nhựa (thay cho việc dùng củi)	ca	0,021	0,021	0,021	0,021		
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
			10	20	30	40	

BDD.21600 Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường**BDD.21610 Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường bê tông nhựa bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bê tông nhựa cũ; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; San phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám (nhựa đường pha dầu); rải bê tông nhựa, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
BDD.2161	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn	- Vật liệu					
		+ Bê tông nhựa nóng	tấn	1,070	1,258	1,49	1,766
		+ Nhựa đường	kg	9,45	9,63	9,81	9,99
		+ Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		- Nhân công					
		+ Bạc thợ 4/7	công	1,426	1,568	1,646	1,762
		- Máy thi công					
		+ Máy lu bánh thép 10T	ca	0,018	0,02	0,026	0,028
		+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		+ Nồi nấu nhựa	ca	0,024	0,024	0,026	0,026
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
			1	2	3	4	

BDD.21620 Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường bằng bê tông nhựa nguội

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường cũ; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; san phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám (nhựa đường pha dầu); rải bê tông nhựa nguội, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lu, lèn			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
BDD.2162	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng bê tông nhựa nguội	- Vật liệu					
		+ Bê tông nhựa nguội	tấn	0,976	1,146	1,36	1,612
		+ Nhựa đường	kg	9,45	9,63	9,81	9,99
		+ Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		- Nhân công					
		+ Bạc thợ 4/7	công	1,462	1,644	1,728	1,866
		- Máy thi công					
		+ Máy lu bánh thép 10 T	ca	0,02	0,02	0,024	0,024
		+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		+ Nồi nấu nhựa	ca	0,024	0,024	0,026	0,026
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
			1	2	3	4	

BDD.21630 Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường bằng đá trộn nhựa pha dầu

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường cũ; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; san phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám (nhựa đường pha dầu); rải bê tông nhựa nguội, đầm nén, rải cát vàng, đầm nén hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lu, lèn			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
BDD.2163	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá trộn nhựa pha dầu	- Vật liệu					
		+ Đá trộn nhựa pha dầu	tấn	1,148	1,35	1,6	1,898
		+ Nhựa đường	kg	8,926	9,096	9,266	9,435
		+ Cát vàng	kg	78,534	78,534	78,534	78,534
		+ Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		- Nhân công					
		+ Bạc thợ 4/7		1,298	1,46	1,532	1,656
		- Máy thi công	công				
		+ Máy lu bánh thép 10 T	ca	0,004	0,004	0,006	0,008
		+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
+ Nồi nấu nhựa	ca	0,023	0,023	0,024	0,024		
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
			1	2	3	4	

BDD.21640 Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường bằng đá dăm nhựa

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường cũ; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; san phẳng, rải đá, tưới nhựa, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lu, lèn			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
BDD.2164	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá	- Vật liệu					
		+ Đá 1 x 2	m ³	0,614	0,736	0,878	1,044
		+ Đá 0,5x1 (hoặc cát sạn)	m ³	0,094	0,094	0,094	0,094
		+ Nhựa đường	kg	47,97	47,97	47,97	47,97
		+ Cui	kg	38,124	38,124	38,124	38,124
		+ Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05

	dăm nhựa	- Nhân công + Bạc thợ 4/7	công	1,378	1,55	1,626	1,756
		- Máy thi công + Lu bánh thép 10 T	ca	0,0366	0,0454	0,0564	0,0706
		+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		+ Nồi nấu nhựa (thay cho việc dùng củi)	ca	0,126	0,126	0,126	0,126
		+ Máy khác	%	2	2	2	2
				1	2	3	4

BDD.21650 Sửa chữa lớp móng đường bằng đá dăm 4 x 6

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh lớp móng đường cũ, đổ đá và san thành từng lớp, tưới nước, đầm chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật,

Đơn vị: 01 m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thủ công	Thủ công kết hợp máy
BDD.2165	Sửa chữa lớp móng đường bằng đá dăm 4 x 6 cm	- Vật liệu + Đá dăm 4 x 6	m ³	1,32	1,32
		- Nhân công + Bạc thợ 3,5/7	công	1,0	0,3
		- Máy thi công + Máy đầm đất cầm tay 70 kg	ca		0,35
				10	20

BDD.21700 Sửa chữa khe nứt đơn mặt đường nhựa

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đục mở rộng vết nứt, vệ sinh sạch sẽ; tưới nhựa đường vào khe nứt, rắc cát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hoặc trám vết nứt bằng bê tông nhựa nóng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Phương pháp trám nhựa rải cát	Phương pháp rải hỗn hợp bê tông nhựa nóng
BDD.217	Sửa chữa khe nứt đơn mặt đường nhựa	- Vật liệu + Nhựa đường	kg	2,782	1,294
		+ Bê tông nhựa nóng	tấn		0,030
		+ Cát	m ³	0,002	
		- Nhân công + Bạc thợ 3,5/7	công	0,279	0,271
				10	20

BDD.21800 Bảo dưỡng khe co dẫn mặt đường bê tông xi măng*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh khe nứt; trám vết nứt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; dọn dẹp, hoàn thiện.

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường	
				20 cm	25 cm
BDD.218	Sửa chữa khe co dẫn mặt đường bê tông xi măng	- <i>Vật liệu</i>	kg	6,9	8,55
		+ Ma tít			
		- <i>Nhân công</i>	công	0,24	0,32
		+ Bạc thợ 3,5/7			
		- <i>Máy thi công</i>	ca	0,024	0,036
		+ Máy nén khí 360 m ³ /h		10	20

BDD.21900 Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh khe nứt; trám vết nứt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; dọn dẹp, hoàn thiện.

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường	
				20 cm	25 cm
BDD.219	Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng	- <i>Vật liệu</i>	m ³	0,0011	0,0013
		+ Ma tít			
		- <i>Nhân công</i>	công	0,4583	0,6250
		+ Bạc thợ 3,5/7		10	20

BDD.22000 Sơn biển báo + cột biển báo và cột khác (chất liệu biển báo, cột bằng thép)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo bỏ lớp sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt; sơn biển báo, cột biển báo đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				2 nước	3 nước
BDD.220	Sơn biển báo, cột biển báo	- <i>Vật liệu</i>	kg	0,16	0,22
		+ Sơn			
		+ Vật liệu khác	%	2	2
		- <i>Nhân công</i>	công	0,11	0,16
		+ Bạc thợ 3,5/7		10	20

BDD.22100 Sơn cọc H, cột Km (chất liệu cọc bằng bê tông xi măng)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo bỏ lớp sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt; sơn cọc h, cột km bằng thủ công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Cọc H	Cột Km
BDD.221	Sơn cọc H, cột Km	- Vật liệu			
		+ Sơn bê tông	kg	0,8	0,8
		+ Vật liệu khác	%	1	1
		- Nhân công			
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,26	0,42
				10	20

BDD.22200 Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí,... (chất liệu cọc, cột bằng bê tông xi măng)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; cạo rửa sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt; sơn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.222	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí...	- Vật liệu		
		+ Sơn bê tông	kg	0,80
		+ Vật liệu khác	%	1
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,2
				10

BDD.22300 Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí,...*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; dựng lại cột, trụ bị nghiêng, đổ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 cọc

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.223	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí...	Nhân công		
		Bạc thợ 3/7	công	0,05
				10

BDD.22400 Nắn sửa cột Km*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; Dựng lại cột bị nghiêng, đổ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 cột

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.224	Nắn sửa cột Km	Nhân công		
		Bạc thợ 3/7	công	0,1
				10

BDD.22500 Nấn chỉnh, tu sửa biển báo*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; dựng lại cột bị nghiêng, đổ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; vệ sinh bề mặt biển báo sáng sủa, rõ ràng; phát cây, thu dọn các chướng ngại vật che lấp biển báo.

Đơn vị: 01 cột

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.225	Nấn chỉnh, tu sửa biển báo	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	Công	0,18
				10

BDD.22610 Thay thế cột biển báo*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; đào hố móng, tháo dỡ cột biển báo cũ bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển; lắp dựng cột biển báo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 cột

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2261	Thay thế cột biển báo	- <i>Vật liệu</i> + Cột biển báo + Vữa bê tông đá 1 x 2 M150	cột	1
		- <i>Nhân công</i> + Bậc thợ 3/7	m ³	0,066
			công	1,01
				1

BDD.22620 Thay thế biển báo*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; tháo dỡ biển báo cũ bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển; lắp dựng biển báo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 cái

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.2262	Thay thế biển báo	- <i>Vật liệu</i> + Biển báo	cái	1
		- <i>Nhân công</i> + Bậc thợ 3/7	công	0,1
				1

BDD.22700 Thay thế cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đào bỏ cọc bị hư hỏng, đào hố móng; dựng cọc mới, lấp đất móng cọc, căn chỉnh; trộn vữa

bê tông, đồ móng cọc, vệ sinh hoàn thiện.

Đơn vị: 01 cọc (cột)

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.227	Thay thế cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	- Vật liệu		
		+ Cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	bộ	1
		+ Vữa bê tông	m ³	0,04
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3/7	công	0,44
				10

BDD.22800 Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km có dán phản quang

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; chà bóc màng phản quang cũ, vệ sinh sạch sẽ; đo, cắt, dán màng phản quang mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.228	Dán lại lớp phản quang biển	- Vật liệu		
		+ Màng phản quang	m ²	1,10
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,255
				10

Ghi chú: trường hợp phải tháo biển báo chuyển về nơi tập kết để dán lại lớp phản quang, sau đó chuyển đến hiện trường lắp lại thì tính bổ sung thêm công tác thay thế biển báo (BDD.22620).

BDD.22900 Vệ sinh mặt biển phản quang

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh bề mặt biển báo sáng sủa, rõ ràng; phát cây, thu dọn các chướng ngại vật che lấp biển báo.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.229	Vệ sinh mặt biển phản quang	Nhân công		
		Bạc thợ 3/7	công	0,05
				10

BDD.23000 Sơn dặm vạch kẻ đường

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 50 m; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ, sơn kẻ đúng yêu cầu kỹ thuật; trông giữ, bảo quản vạch sơn khô; thu dọn, vệ sinh công trường.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sơn bằng thủ công	Sơn bằng máy	
BDD.230	Sơn dặm vạch kẻ đường	- Vật liệu				
		+ Sơn kẻ đường	kg	0,58	0,55	
		+ Vật liệu phụ	%	0,05	0,05	
		- Nhân công				
		+ Bạc thợ 4/7	công	0,280	0,130	
		- Máy thi công				
		+ Máy phun sơn 400m ² /h	ca		0,033	
		+ Máy nén khí động cơ diesel 600 m ³ /h	ca		0,015	
				10	20	

BDD.23100 Bô sung đá mái ta luy*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ.207, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; chêm chèn đá vào các vị trí bị mất đá; chít mạch vữa (nếu có), hoàn thiện.

Đơn vị: 01m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Không chít mạch	Có chít mạch
BDD.231	Bô sung đá mái ta luy	- Vật liệu			
		+ Đá hộc	m ³	1,245	1,245
		+ Đá dăm 4 x 6	m ³	0,060	0,060
		+ Vữa xi măng M100	m ³		0,068
		- Nhân công			
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	1,315	1,755
				10	20

BDD.23200 Thay thế tấm bê tông mái ta luy*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 50 m; đảm bảo an toàn giao thông; bóc bỏ tấm bê tông bị hỏng, vận chuyển đến nơi quy định, vệ sinh sạch sẽ; thay thế tấm bê tông mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 tấm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.232	Thay thế tấm bê tông mái taluy	- Vật liệu		
		+ Tấm bê tông (40 x 40) cm	tấm	1
		+ Vữa xi măng M150	m ³	0,003
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,107
				10

BDD.23300 Sửa chữa tường hộ lan bằng đá xây*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 30m; đảm bảo an toàn giao thông; vá, sửa chữa vị trí bị sứt, vỡ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 01m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.233	Sửa chữa tường hộ lan bằng đá xây	- Vật liệu		
		+ Đá hộc	m ³	1,2
		+ Đá dăm	m ³	0,057
		+ Vữa xi măng M100	m ³	0,42
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	2,25
				10

BDD.23400 Bảo dưỡng đảo giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; tưới cây, cắt cỏ, tỉa cành; nắn chỉnh các tấm biển gắn mũi tên chỉ đường, sửa chữa mép đảo đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.234	Bảo dưỡng đảo giao thông	- Vật liệu		
		+ Nước tưới	m ³	0,05
		- Nhân công		
		+ Bạc thợ 3/7	công	0,15
		- Máy thi công		
		+ Xe ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,003
				10

BDD.23500 Thay thế tôn lợp sóng*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; tháo tôn lợp sóng khỏi trụ; đào cột cũ và thu hồi, lắp đặt và đổ bê tông móng cột mới (trường hợp thay cột mới); lắp đặt tôn lợp sóng mới; thu dọn, vệ sinh công trường.

Đơn vị: 01 tấm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Thay toàn bộ	Không thay trụ
BDD.235	Thay thế tôn lợp sóng	- Vật liệu + Tôn lợp sóng bước cột 4m	tấm	1	1

		+ Cột thép	cột	1	
		+ Vữa bê tông	m ³	0,055	
		+ Bu lông M18 x 26	bộ	8	8
		+ Bu lông M20 x 30	bộ	1	1
		+ Vật liệu khác	%	1	1
		- Nhân công			
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	3,20	1,875
				10	20

Ghi chú: Trường hợp thay thế tôn lượn sóng có bước cột 3m thì định mức nhân công điều chỉnh hệ số 0,95, bước cột 2m thì định mức nhân công điều chỉnh hệ số 0,9.

BDD.23600 Vệ sinh dải phân cách, tường phòng hộ tôn lượn sóng

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh dải phân cách, tường phòng hộ tôn lượn sóng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 100 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.236	Vệ sinh dải phân cách, tường phòng hộ tôn lượn sóng	- Vật liệu + Nước sạch + Vật liệu khác - Nhân công + Bạc thợ 3/7	m ³ % công	0,3 10 0,99
				10

BDD.23700 Nắn chỉnh, thay thế trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; nắn chỉnh lại trụ bê tông, ống thép bị xô lệch đúng yêu cầu kỹ thuật; tháo dỡ, thay thế các trụ bê tông vỡ, ống thép bị cong vênh; vệ sinh, thu dọn hiện trường.

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Nắn chỉnh (cái)	Thay thế ống thép (1m)	Thay thế trụ bê tông (1trụ)
BDD.237	Nắn chỉnh, thay thế trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm	- Vật liệu + Trụ bê tông + Ống thép Ø50mm - Nhân công + Nhân công 4/7	trụ m công		1,05	1
				0,35	0,15	0,15
				10	20	30

BDD.23800 Sơn trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị công cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo gỉ, vệ sinh bề mặt, sơn trụ bê tông, ống thép theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Trụ bê tông	Ống thép Ø50mm
BDD.238	Sơn trụ bê tông, ống thép dải phân cách mềm	- <i>Vật liệu</i>			
		+ Sơn bê tông	kg	0,8	
		+ Sơn dầu	kg		0,036
		+ Vật liệu khác	%	1	1
		- <i>Nhân công</i>			
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,25	0,05
				10	20

BDD.23900 Vệ sinh, bắt xiết bu lông tấm chống chói*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ tấm chống chói, bắt xiết lại các bu lông đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 tấm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.239	Vệ sinh, bắt xiết bu lông tấm chống chói	<i>Nhân công</i> Bạc thợ 3/7	công	0,36
				10

BDD.24000 Thay thế tấm chống chói*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; tháo dỡ tấm chống chói hư hỏng; lắp đặt các tấm chống chói mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 10 tấm

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.240	Thay thế tấm chống chói	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Tấm chống chói	tấm	10
		+ Bu lông	bộ	2
		+ Vật liệu khác	%	0,5
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,5
				10

BDD.24100 Nắn sửa, vệ sinh trụ dèo*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; nắn chỉnh, vệ sinh sạch sẽ trụ dèo, bắt xiết lại các bu lông đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 trụ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.241	Nắn sửa, vệ sinh trụ dèo	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	0,4
				10

BDD.24200 Thay thế trụ dèo*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; tháo dỡ trụ dèo bị hư hỏng; lắp đặt các trụ dèo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 10 trụ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.242	Thay thế trụ dèo	<i>- Vật liệu</i>		
		+ Trụ dèo	trụ	10
		+ Bu lông	bộ	3
		+ Vật liệu khác	%	0,5
		<i>- Nhân công</i>		
		+ Bậc thợ 3,5/7	công	0,4
				10

BDD.24300 Sơn bảo dưỡng rào chắn khung lưới thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo gỉ, làm vệ sinh bề mặt; sơn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (3 nước).

Đơn vị: m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.243	Sơn bảo dưỡng rào chắn khung lưới thép	<i>- Vật liệu</i>		
		+ Sơn chống gỉ 1 lớp	kg	0,145
		+ Sơn màu 2 lớp	kg	0,241
		+ Vật liệu phụ	%	2
		<i>- Nhân công</i>		
		+ Bậc thợ 3,5/7	công	0,55
				10

BDD.24400 Vệ sinh mắt phản quang*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ các mắt phản quang, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 10 mắt

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.244	Vệ sinh mắt phản quang	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	0,022
				10

BDD.24500 Thay thế mắt phản quang*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; tháo dỡ mắt phản quang hư hỏng, lắp đặt mắt phản quang mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 1 mắt

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.245	Thay thế mắt phản quang	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Mắt phản quang	mắt	1
		+ Vật liệu khác	%	0,5
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bậc thợ 3,5/7	công	0,02
				10

BDD.24600 Bảo dưỡng thay thế đỉnh phản quang*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh hiện trường, lấy dầu; vận hành lò nấu keo, trải keo, gắn viên phản quang đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; dọn dẹp công trường.

Đơn vị: 01 đỉnh

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Mặt bê tông nhựa	Mặt bê tông xi măng
BDD.246	Bảo dưỡng thay thế đỉnh phản quang	- <i>Vật liệu</i>			
		+ Đỉnh phản quang	viên	1	1
		+ Keo Bituminous	kg		0,1
		+ Keo Megapoxy	kg	0,1	
		+ Ga	kg		0,004
		+ Dầu DO	lít		0,001
		+ Vật liệu khác	%	1	1
		- <i>Nhân công</i>			
		+ Bậc thợ 3,5/7	công	0,055	0,072
		- <i>Máy thi công</i>			
		+ Lò nung keo	ca	0,004	0,004
				10	20

BDD.24700 Bảo dưỡng đường cứu nạn*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; dọn sạch chướng ngại vật; xáo xới mặt đường cứu nạn; khơi thông rãnh thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDD.247	Bảo dưỡng đường cứu nạn	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	0,028
				10

3. Quản lý cầu có chiều dài nhỏ hơn và bằng 300m**QLC.10100 Kiểm tra cầu***Thành phần công việc:*

Kiểm tra tình trạng kỹ thuật kết cấu phần trên: mặt, thoát nước, lan can, khe co dãn...; kiểm tra tình trạng kỹ thuật kết cấu phần dưới: dầm, móng, trụ, gối cầu...; kiểm tra tình trạng kỹ thuật công trình phòng hộ, điều tiết dòng chảy.

Đơn vị: cầu/năm

Mã hiệu	Công tác quản lý	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				200 - 300	100 - 200	50 - 100	< 50
QLC.101	Kiểm tra cầu	<i>- Vật liệu</i> + Sổ A4, 36 trang + Bút viết <i>- Nhân công</i> + Bậc thợ 4/7	quyền	5,00	5,00	3,00	1,00
			cái	12,00	12,00	12,00	12,00
			công	48	36	12	4
				10	20	30	40

Ghi chú: Trường hợp cần sử dụng ca nô, thuyền, xe cầu chuyên dụng hoặc các thiết bị khác để kiểm tra cầu thì xác định số ca cần thiết trong 1 năm để bổ sung vào dự toán.

QLC.10200 Đăng ký cầu*Thành phần công việc:*

Bổ sung, cập nhật những thay đổi tình trạng kỹ thuật cầu theo mẫu hồ sơ lý lịch quy định; lưu dữ liệu trong máy tính.

Đơn vị: lần

Mã hiệu	Công tác quản lý	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				300 - 200	200 - 100	100 - 50	< 50
QLC.102	Đăng ký cầu	<i>- Vật liệu</i> + Sổ A4, 27 trang + Bút + Ảnh(10 x 15)cm <i>- Nhân công</i> + Bậc thợ 3,5/7	quyền	1	1	1	1
			cái	1	1	1	1
			ảnh/nhíp	3	3	3	3
			công	15	10	10	5
				10	20	30	40

QLC.10300 Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão*Thành phần công việc:*

Kiểm tra móng trụ, chân khay, 1/4 nón móng, nền đường sau móng, các công trình điều tiết dòng chảy lòng sông, suối, sự thay đổi dòng chảy sông, suối, các công trình phòng hộ.

Đơn vị: cầu/năm

Mã hiệu	Công tác quản lý	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)				
				200 - ≤ 300	100 - ≤ 200	50 - ≤ 100	≤ 50	
QLC.103	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão	- <i>Vật liệu</i>	quyển	0,833	0,833	0,50	0,167	
		+ Sổ A4, 36 trang		2	2	2	2	
		+ Bút viết	công	6	4	2	1	
		- <i>Nhân công</i>		ca	2	2	1	
		+ Bạc thợ 4/7			%	2	2	2
- <i>Máy thi công</i>								
+ Ca nô 90cv								
+ Máy khác								
				10	20	30	40	

QLC.10400 Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính*Thành phần công việc:*

Quản lý hồ sơ: hồ sơ hoàn công, hồ sơ đăng ký và kiểm định cầu, biên bản kiểm tra, nghiệm thu, ảnh chụp, đĩa CD...; bổ sung kịp thời những thay đổi vào hồ sơ.

Đơn vị: cầu/năm

Mã hiệu	Công tác quản lý	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				200 - ≤ 300	100 - ≤ 200	50 - ≤ 100	≤ 50
QLC.104	Quản lý hồ sơ trên máy vi tính	<i>Nhân công</i> Kỹ sư bậc 2	công	4	2	1	1
				10	20	30	40

4. Bảo dưỡng cầu có chiều dài nhỏ hơn và bằng 300 m**BDC.20100 Sửa chữa lan can cầu (chất liệu lan can bằng bê tông)***Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 150 m; đảm bảo an toàn giao thông; đục, phá bỏ phần lan can bị hỏng; đổ bê tông, lắp đặt lan can thay thế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.201	Sửa chữa lan can cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Vữa bê tông	m ³	0,08
		+ Vật liệu khác	%	1
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,26
				10

BDC.2020 Sơn lan can cầu (chất liệu lan can bằng thép)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; cạo gỉ làm sạch bề mặt sơn, hòa sơn, sơn theo đúng yêu cầu kỹ thuật (3 năm sơn một lần); thu dọn, hoàn thiện.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Lan can bảo vệ	
				1 lớp	2 lớp
BDC.202	Sơn lan can cầu	- Vật liệu			
		+ Sơn chống gỉ	kg	0,143	
		+ Sơn màu	kg	0,12	0,24
		+ Vật liệu khác	%	1	1
		- Nhân công			
	+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,313	0,625	
				10	20

Ghi chú: Định mức trên không áp dụng đối với lan can cầu loại chống gỉ (thép, gang đúc, nhôm...).

BDC.20300 Sơn lan can cầu (chất liệu lan can bằng bê tông)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; cạo bỏ, làm sạch bề mặt sơn, hòa sơn, sơn theo đúng yêu cầu kỹ thuật (sơn 3 nước); thu dọn, hoàn thiện.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
BDC.203	Sơn lan can cầu	- Vật liệu			
		+ Sơn bê tông	kg	0,49	
		+ Vật liệu khác	%	1	
		- Nhân công			
		+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,313	
				10	

BDC.20400 Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mố cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; chọn đá, xếp đá, chèn kỹ theo đúng yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 50m; tưới nước bảo dưỡng; thu dọn vật liệu, dụng cụ; vệ sinh khu vực công trường.

Đơn vị: 01m³

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Xếp đá khan	Xếp đá miết mạch
BDC.204	Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mố cầu	- <i>Vật liệu</i>			
		+ Đá hộc	m ³	1,22	1,22
		+ Đá 4 x 6	m ³	0,1	0,1
		+ Vữa xi măng cát vàng M100	m ³		0,07
		- <i>Nhân công</i>			
		+ Bạc thợ 4/7	công	2,57	2,61
				10	20

BDC.20500 Bôi mỡ gối cầu thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, công cụ; vệ sinh gối cầu; bôi mỡ gối cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 gối cầu

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.205	Bôi mỡ gối cầu thép	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Mỡ công nghiệp	kg	0,2
		+ Vật liệu khác	%	5
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bạc thợ 3/7	công	0,3
				10

BDC.20600 Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh quét dọn mặt cầu, rác ở các ống thoát nước, vận chuyển trong phạm vi 100 m.

Đơn vị: 10m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.206	Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Chổi quét	chiếc	0,0001
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bạc thợ 3/7	công	0,048
				10

BDC.20700 Thay thế ống thoát nước*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ; vận chuyển ống đến phạm vi lắp đặt trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; lắp dựng dàn giáo; tháo bỏ ống thoát nước bị hư hỏng; đo, lấy dấu, cắt ống, tẩy vát mép ống, lau chùi, quét keo, lắp chỉnh dán ống; thu dọn công trường.

Đơn vị: 01 m

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				60	100	150
BDC.207	Thay thế ống thoát nước	- Vật liệu				
		+ Ống nhựa	m	1,1	1,1	1,1
		+ Cồn rửa	kg	0,036	0,049	0,061
		+ Nhựa dán	kg	0,011	0,016	0,02
		+ Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
- Nhân công						
+ Bạc thợ 3,5/7	công	0,6	0,61	0,62		
				10	20	30

BDC.20800 Bảo dưỡng khe co dẫn thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo rỉ tại mỗi hàn bị bong bật, hàn lại theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
BDC.208	Bảo dưỡng khe co dẫn thép	- Vật liệu			
		+ Que hàn	kg	0,978	
		+ Vật liệu khác	%	5	
		- Nhân công			
		+ Bạc thợ 4/7	công	0,34	
		- Máy thi công			
+ Máy hàn 23KW	ca	0,085			
+ Máy phát điện 2,4kw	ca	0,085			
				10	

BDC.20900 Vệ sinh khe co dẫn cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; dọn sạch vật cứng, vệ sinh sạch sẽ khe co giãn; bắt siết bu lông đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.209	Vệ sinh khe co dẫn cao su	Nhân công Bạc thợ 3/7	công	0,05
				10

BDC.21000 Vệ sinh mố cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; phát quang cây cỏ xung quanh mố cầu; vệ sinh sạch sẽ mố cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.210	Vệ sinh mố cầu	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	0,36
				10

BDC.21100 Vệ sinh trụ cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; lắp đặt giá treo, sàn công tác, vệ sinh sạch sẽ trụ cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.211	Vệ sinh trụ cầu	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	0,43
				10

BDC.21200 Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún trời mặt cầu

BDC.21210 Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún trời mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ổ gà, bong bật, lún trời mặt đường cũ đến bản mặt cầu; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; san phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám; rải bê tông nhựa nóng, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép			
				4 cm	5 cm	6 cm	7 cm
BDC.2121	Vá ổ gà, cóc găm, lún cục bộ mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng	<i>- Vật liệu</i>					
		+ Bê tông nhựa nóng hạt mịn	tấn	0,107	0,126	0,149	0,177
		+ Nhựa đường	kg	0,945	0,963	0,981	0,999
		+ Vật liệu khác	%	1	1	1	1
		<i>- Nhân công</i>					
		+ Bậc thợ 4/7	công	0,143	0,157	0,165	0,177
<i>- Máy thi công</i>							
+ Máy lu bánh thép 10 T	ca	0,002	0,002	0,003	0,003		
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
				1	2	3	4

BDC.21220 Vá ô gà, bong bật, sửa chữa lún trôi mặt cầu bằng bê tông nhựa nguội

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; đảm bảo an toàn giao thông; cắt vuông cạnh, đào ô gà, bong bật, lún trôi mặt đường cũ đến bản mặt cầu; hót, chuyển lên xe, vận chuyển đến nơi quy định; san phẳng, đầm lén, tưới nhựa dính bám; rải bê tông nhựa nguội, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép (cm)			
				4	5	6	7
BDC.2122	Vá ô gà, cóc găm, lún cục bộ mặt cầu bằng bê tông nhựa nguội	- <i>Vật liệu</i>					
		+ Bê tông nhựa nguội	tấn	0,09	0,115	0,136	0,161
		+ Nhựa đường	kg	0,945	0,963	0,981	0,999
		+ Vật liệu khác	%	1	1	1	1
		- <i>Nhân công</i>		-	-	-	-
		+ Bạc thợ 4/7	công	0,147	0,165	0,173	0,187
		- <i>Máy thi công</i>		-	-	-	-
+ Máy lu bánh thép 10 T	Ca	0,002	0,002	0,0024	0,0024		
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
				1	2	3	4

BDC.21300 Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; lắp dựng dàn giáo; vệ sinh sạch sẽ hai đầu dầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn công trường.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.213	Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	<i>Nhân công</i> Bạc thợ 3,5/7	công	0,08
				10

BDC.21400 Vệ sinh nút liên kết dầm - giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh sạch sẽ các nút liên kết dầm - giàn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.214	Vệ sinh nút liên kết dầm - giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3,5/7	công	0,04
				10

BDC.21500 Sơn lẻ tế cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; cạo gỉ vệ sinh bề mặt sơn, hòa sơn, sơn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu dọn, hoàn thiện.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.215	Sơn lẻ tế cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	- <i>Vật liệu</i> + Sơn chống gỉ (1 lớp) + Sơn màu (2 lớp) + Vật liệu khác - <i>Nhân công</i> + Bậc thợ 3,5/7	kg kg % công	0,145 0,24 1 1,3
				10

BDC.21600 Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; lắp dựng dàn giáo phục vụ thi công; bắt xiết bu lông theo yêu cầu kỹ thuật; tháo dỡ dàn giáo, hoàn thiện.

Đơn vị: 10 bu lông

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Không dàn giáo	Có dàn giáo
BDC.216	Kiểm tra, bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, liên hợp thép - bê tông cốt thép	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	0,25	0,35
				10	20

BDC.21700 Phát quang cây đại (2 đầu mố cầu)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; phát quang cây đại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; thu gom, xúc lên phương tiện vận chuyển.

Đơn vị: 100m²

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.217	Phát quang cây đại	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 3/7	công	4,286
				10

BDC.21800 Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100 m; trát vữa chỗ nứt, vỡ, bung mạch vữa xây đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; phát quang cây cỏ quanh khu vực, dọn sạch rác, vệ sinh sạch sẽ kè hướng dòng, công trình phòng hộ.

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Trát vữa cho 1m ³ vữa xi măng	Phát quang, vệ sinh cho 1m ²
BDC.218	Bảo dưỡng công trình phòng hộ	- <i>Vật liệu</i>			
		+ Vữa xi măng M100	m ³	1,05	
		+ Vật liệu khác	%	0,5	
		- <i>Nhân công</i>			
		+ Bậc thợ 4/7	công	9,45	0,30
				10	20

BDC.21900 Thanh thải dòng chảy dưới cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; thanh thải dòng chảy dưới cầu, gỡ cây trôi mắc vào mố, trụ cầu.

Đơn vị: 01 cầu

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				200 - ≤ 300	100 - ≤ 200	50 - ≤ 100	≤ 50
BDC.219	Thanh thải dòng chảy dưới cầu	- <i>Nhân công</i>					
		+ Bậc thợ 4/7	công	2,13	1,49	0,85	0,64
		- <i>Máy thi công</i>					
		+ Thuyền máy (hoặc Canô 135CV)	ca	0,57	0,36	0,14	0,07
				10	20	30	40

BDC.22000 Vệ sinh lan can cầu (chất liệu lan can bằng thép mạ chống gỉ)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu; đảm bảo an toàn giao thông; vệ sinh lan can cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 100 m dài

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BDC.220	Vệ sinh lan can cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Nước sạch	m ³	0,25
		+ Vật liệu khác	%	10
		- <i>Nhân công</i>		
		+ Bạc thợ 3/7	công	0,95
				10

BDVC.30000 Vận chuyển phế thải bằng ô tô tự đổ*Thành phần công việc:*

Vận chuyển phế thải đến nơi quy định bằng ô tô tự đổ.

Đơn vị: 01 m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Đơn vị	Định mức
BDVC.310	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m		
BDVC.311	Ô tô 0,5 tấn	ca	0,116
BDVC.312	Ô tô 2,5 tấn	ca	0,034
BDVC.313	Ô tô 5 tấn	ca	0,020
BDVC.314	Ô tô 7 tấn	ca	0,015
BDVC.320	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m		
BDVC.321	Ô tô 0,5 tấn	ca	0,070
BDVC.322	Ô tô 2,5 tấn	ca	0,020
BDVC.323	Ô tô 5 tấn	ca	0,010
BDVC.324	Ô tô 7 tấn	ca	0,006
			10

5. Công tác quản lý công trình cầu lớn (L ≥ 300M)**QLC.10100 Đăng ký cầu***Thành phần công việc:*

Tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ cầu, tình trạng kỹ thuật theo mẫu hồ sơ lý lịch quy định; lưu dữ liệu trong máy tính.

Đơn vị: 01 lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QLC.101	Đăng ký cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Sổ ghi chép A4, 27 trang	quyển	1
		+ Bút	cái	1
		+ Ảnh (10 x 15) cm	ảnh/nhíp	3
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	15
				10

QLC.10200 Đếm xe bằng thủ công*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, đếm xe 2 chiều trên 1 mặt cắt ngang của cầu.

Đơn vị: 01 lần/trạm đếm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cầu 4-6 làn xe	Cầu 2 làn xe
QLC.102	Đếm xe (bằng thủ công)	- <i>Vật liệu</i> + Giấy A4 + Bút - <i>Nhân công 3/7</i>	tờ	70	56
			cái công	7 42	5 28
				10	20

QLC.10300 Kiểm tra định kỳ kỹ thuật cầu*Thành phần công việc:*

Kiểm tra định kỳ tình trạng kỹ thuật kết cấu phần trên: mặt, thoát nước, lan can, khe co dẫn...; kết cấu phần dưới: dầm, móng, trụ, gối cầu... và công trình phòng hộ, điều tiết dòng chảy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: cầu/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				≤ 300	300 - < 400	400 - < 500	500 - < 600
QLC.103	Kiểm tra định kỳ kỹ thuật cầu	- <i>Vật liệu</i> + Sổ A4, 36 trang + Bút viết - <i>Nhân công 4/7</i>	quyển	5,00	5,00	5,00	5,00
			cái	12,00	12,00	12,00	12,00
			công	48	64,4	80,5	96,6
				10	20	30	40

Ghi chú: Tần suất kiểm tra 12 lần/năm (1 tháng 1 lần). Đối với cầu có chiều dài từ 600 m trở lên xác định theo phương pháp ngoại suy, đảm bảo hàm tính toán có độ chặt $R_2 > 90\%$.

QLC.10400 Kiểm tra trước và sau mưa bão*Thành phần công việc:*

Kiểm tra móng trụ, chân khay, 1/4 nón móng, nền đường sau móng, các công trình điều tiết dòng chảy lòng sông, suối, sự thay đổi dòng chảy sông, suối, các công trình phòng hộ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: lần/cầu/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				300	< 300 - ≤ 400	< 400 - ≤ 500	< 500 - ≤ 600
QLC.104	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão	- <i>Vật liệu</i> + Sổ A4, 36 trang + Bút viết	quyển	0,833	0,833	1,333	1,5
			cái	2	2	2	2

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				300	< 300 - ≤ 400	< 400 - ≤ 500	< 500 - ≤ 600
		- Nhân công 4/7	công	6	8	10	12
		- Máy thi công + Ca nô 135 cv	ca	2	2	3	3
		+ Máy khác	%	2	2	2	2
				10	20	30	40

QLC.10500 Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên vi tính

Thành phần công việc:

Quản lý hồ sơ: hồ sơ hoàn công, hồ sơ đăng ký và kiểm định cầu, biên bản kiểm tra, nghiệm thu, ảnh chụp, ổ USB...; bổ sung kịp thời những thay đổi vào hồ sơ.

Đơn vị: cầu/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				300	< 300 - ≤ 400	< 400 - ≤ 500	< 500 - ≤ 600
QLC.105	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên vi tính	Kỹ sư 2/8	công	4	4,8	6	7,2
				10	20	30	40

QLC.10600 Quản lý dàn Bailey

Thành phần công việc:

Quản lý, kiểm tra hàng ngày, định kỳ tháng và định kỳ năm theo quy trình kỹ thuật.

Đơn vị: 01 m dài/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trực tuần tra, kiểm tra hàng ngày	Kiểm tra định kỳ	
					Hàng tháng	Hàng năm
QLC.106	Quản lý dàn Bailey	Nhân công 4/7	công	0,1	0,2	0,4
				10	20	30

QLC.10700 Dán tem theo dõi vết nứt

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động, làm sạch bề mặt bê tông khu vực dán, đục nhám mặt bê tông nhào trộn thạch cao hoặc vữa xi măng cát vàng, dán tem theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 tem

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QLC.107	Dán tem theo dõi vết nứt	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Thạch cao (hoặc vữa xi măng cát vàng)	m ³	0,02
		+ Vật liệu khác	%	1
		- <i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,7
				10

Ghi chú: Định mức chưa bao gồm phần lắp dựng giàn giáo.

QLC.10800 Đo độ nghiêng gối cầu

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dàn giáo, dụng cụ đo đạc chuyên dùng, sổ sách ghi chép, vận chuyển đến vị trí kiểm tra trong phạm vi 100m, đo độ lệch gối, tổng hợp số liệu ghi chép, lưu giữ để so sánh đánh giá tình trạng làm việc của cầu.

Đơn vị: 01 gối cầu

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QLC.108	Đo độ nghiêng gối cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Sổ ghi chép A4 (36 trang)	quyển	0,02
		+ Bút viết	cái	0,1
		+ Vật liệu khác	%	1
		- <i>Nhân công 4/7</i>	công	0,697
				10

Ghi chú: Định mức chưa bao gồm hao phí công tác lắp dựng dàn giáo.

6. Công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu lớn (L ≥ 300M)

BDC.20100 Sơn xe treo, đường trượt xe treo, thang lên xuống

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ thi công đến hiện trường trong phạm vi 100m, gỡ cạo rỉ, cạo sơn cũ, vệ sinh bề mặt cần sơn bằng bàn chải sắt và giẻ lau, pha sơn và sơn theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sơn 1 lớp chống rỉ, 2 lớp sơn màu	Sơn 2 lớp sơn màu
BDC.201	Sơn xe treo, đường trượt xe treo, thang lên xuống	- <i>Vật liệu</i>			
		+ Sơn chống rỉ	kg	0,062	
		+ Sơn màu	kg	0,113	0,225
		+ Vật liệu khác	%	2	2
		- <i>Nhân công 4/7</i>	công	0,6	0,326
				10	20

BDC.20200 Sơn hàng rào thép bảo vệ gầm cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, làm sạch bề mặt, sơn 1 lớp chống rỉ, 2 lớp sơn màu trên bề mặt.
Sơn đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.202	Sơn hàng rào thép bảo vệ gầm cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Sơn chống gỉ	kg	0,114
		+ Sơn màu	kg	0,212
		+ Vật liệu khác	%	1
		- <i>Nhân công 4/7</i>	công	0,055
				10

BDC.20300 Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, lắp dựng dàn giáo, vệ sinh sạch sẽ 2 đầu dầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thu dọn hiện trường. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 01 m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.203	Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	Nhân công 3,5/7	công	0,08
				10

BDC.20400 Vệ sinh dải phân cách trên cầu, hai đầu cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, vệ sinh dải phân cách trên cầu, hai đầu cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 100m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.204	Vệ sinh dải phân cách trên cầu, hai đầu cầu	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Nước sạch	m ³	0,25
		+ Vật liệu khác	%	10
		- <i>Nhân công 3/7</i>	công	0,432
				10

BDC.20500 Vệ sinh khe co giãn*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ; vệ sinh đất rác, vật cứng khỏi khe co giãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

Đơn vị: 01 m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.205	Vệ sinh khe co giãn	Công nhân 3/7	công	0,05
				10

BDC.20600 Vệ sinh đỉnh mố cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; phát quang cây cỏ xung quanh mố cầu; vệ sinh sạch sẽ mố cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.206	Vệ sinh đỉnh mố cầu	Công nhân 3/7	công	0,36
				10

BDC.20700 Vệ sinh đỉnh trụ cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị dụng cụ; đảm bảo an toàn giao thông; lắp đặt giá treo, sàn công tác, vệ sinh sạch sẽ trụ cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.207	Vệ sinh đỉnh trụ cầu	Công nhân 3/7	công	0,43
				10

BDC.20800 Vệ sinh mặt cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị thiết bị. Vệ sinh mặt đường mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 100m

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.208	Vệ sinh mặt cầu	- Vật liệu		
		+ Chổi quét xe hút	bộ	0,0004
		+ Nước sạch	m ³	0,0150
		- Máy thi công		
		+ Ô tô quét hút 5m ³	ca	0,0040
				10

BDC.2100 Vệ sinh ống thoát nước trên cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ. Vệ sinh lỗ ống thoát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hoàn thiện, dọn dẹp.

Đơn vị: 10 lỗ ống

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.210	Vệ sinh hệ thống thoát nước	- <i>Vật liệu</i>	cái	0,099
		+ Chổi quét	công	0,084
		- <i>Công nhân 3,5/7</i>		10

BDC.21200 Vệ sinh lan can cầu*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ. Vệ sinh các thanh ngang, trụ đứng và chân đế, lan can đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 100m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.212	Vệ sinh lan can	<i>Công nhân 3/7</i>	công	0,0386
				10

BDC.21300 Bôi mỡ gói cầu thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật tư, làm vệ sinh lau chùi gói cầu, bôi mỡ gói cầu đúng theo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 01 gói cầu

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.213	Bôi mỡ gói cầu thép	- <i>Vật liệu</i>	kg	0,4
		+ Mỡ công nghiệp	%	5
		+ Vật liệu khác	công	0,287
		- <i>Nhân công 3/7</i>		10

BDC.21400 Bảo dưỡng khe co giãn thép*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ, lau chùi cạo rỉ tại mối hàn bị bong bật, hàn lại theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 01m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.214	Bảo dưỡng khe co giãn thép	- <i>Vật liệu</i>	kg	0,978
		+ Que hàn	%	5
		+ Vật liệu khác	công	0,34
		- <i>Nhân công 4/7</i>		
		- <i>Máy thi công</i>	ca	0,085
		+ Máy hàn 23kw		10

BDC.21500 Thay thế, sửa chữa khe co giãn cao su*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ, tháo dỡ tấm cao su khe co giãn, đục, tẩy bê tông bị nứt vỡ khe co, bu lông, lắp đặt khe co giãn cao su.

Đơn vị: 01m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.215	Thay thế khe co giãn cao su	- Vật liệu		
		+ Ôxy	chai	0,05
		+ Gas	kg	0,10
		+ Que hàn	kg	0,142
		+ Khe co giãn cao su	m	1
		+ Vật liệu khác	%	1
		- Nhân công 4/7	công	1,59
		- Máy thi công		
		+ Máy hàn 23kw	ca	0,015
		+ Máy cắt sắt 355mm	ca	0,006
		+ Máy khoan bê tông 1,5kw	ca	0,006
+ Máy khác		1		
			10	

Ghi chú: Khối lượng bê tông Vmat Grout, keo Sikadu được tính riêng.

BDC.21600 Thay thế, sửa chữa khe co giãn thép răng lược*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, cắt lớp bê tông Asphalt, đục tẩy lớp vữa bê tông không co ngót, tháo khe co giãn cũ. Đục tẩy bê tông và nắn chỉnh cốt thép (trường hợp thay khác hệ khe co giãn thì phải cấy thêm sắt neo). Vệ sinh bề mặt bê tông, đổ vữa không co ngót theo thiết kế. Lắp đặt hệ dưỡng cụm bu lông chờ và bản răng lược khe co giãn thép mặt cầu theo yêu cầu kỹ thuật. Đục bỏ phần bê tông không co ngót thừa, vệ sinh bề mặt trước khi đổ bù lớp vữa không co ngót. Kiểm tra, hoàn thiện khe co giãn thép mặt cầu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01m dài

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thay thế cùng loại khe co giãn thép	Thay thế bằng khe co giãn thép răng lược
BDC.216	Thay thế khe co giãn thép răng lược	- Vật liệu			
		+ Khe co giãn thép kiểu răng lược	m	1,05	1,05
		+ Lưới cắt bê tông D356mm	cái	0,022	0,022
		+ Thép hình	kg	12,494	12,494
		+ Thép tấm	kg	1,910	1,910
		+ Ô xy	chai	0,036	0,036
		+ Đá mài	viên	0,274	0,274
		+ Khí gas	kg	0,072	0,072
		+ Que hàn	kg	1,735	1,735

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thay thế cùng loại khe co giãn thép	Thay thế bằng khe co giãn thép răng lược
		+ Mũi khoan D20	cái		0,0298
		+ Thép tròn $10 \leq D \leq 18$	kg		33,027
		+ Dây thép buộc	kg		0,46
		+ Vật liệu khác	%	2	2
		- Nhân công 4,0/7	công	12,50	12,84
		- Máy thi công			
		+ Cần cẩu ô tô 10T	ca	0,082	0,082
		+ Máy cắt bê tông 12cv	ca	0,018	0,018
		+ Máy cưa kim loại 2,7kw	ca	0,054	0,054
		+ Máy hàn 23kw	ca	0,698	0,698
		+ Máy khoan đứng 4,5kw	ca	0,048	0,048
		+ Máy mài 2,7kw	ca	0,434	0,434
		+ Máy khoan bê tông 0,62kw	ca		0,059
		+ Máy khác	%	2	2
				10	20

Ghi chú: Khối lượng bê tông Vmat Grout, keo Sikadu được tính riêng.

BDC.21700 Bảo dưỡng hệ thống xe treo dưới kết cấu nhịp cầu

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật tư, vật liệu dụng cụ thi công, vận chuyển đến hiện trường, quay xe treo ép sát vào trụ cầu, gông cố định xe treo vào đường trượt và mạ hạ bằng hệ thống pa lăng xích, tháo dỡ các bánh xe truyền động của xe treo, vòng bi không xích, tay quay thay thế vòng bi bị hỏng, tra dầu mỡ, lắp xiết, căn chỉnh tháo dỡ pa lăng xích, vận hành thử, thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 01 xe

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.217	Bảo dưỡng hệ thống xe treo	- Vật liệu		
		+ Dầu diesel	kg	0,73
		+ Mỡ bò	kg	1,46
		+ Vật liệu khác	%	2
		- Nhân công 4/7	Công	4,54
		- Máy thi công		
		+ Pa lăng xích 5 tấn	ca	0,35
		+ Máy khác	%	2
				10

BDC.21800 Bảo dưỡng dàn Bailey

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật tư, dụng cụ, bố trí rào chắn phân luồng giao thông, dùng xe nâng đưa người lên vị trí làm việc, cạo gỉ, đánh gỉ bề mặt, sơn từng lớp theo quy định. Thu dọn hiện trường.

Đơn vị: 01 m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.218	Bảo dưỡng dàn Bailey	- Vật liệu		
		+ Sơn chống gỉ	kg	0,155
		+ Sơn màu	kg	0,26
		+ Vật liệu khác	%	2
		- Nhân công 4/7	Công	1
				10

BDC.21900 Bảo dưỡng hệ thống móc cao đặc, móc định vị

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, dọn dẹp, lau chùi móc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị: 01 móc

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BDC.219	Bảo dưỡng hệ thống móc cao đặc, móc định vị	Nhân công 3/7	Công	0,033
				10

BDC.22000 Thanh thải dòng chảy dưới cầu

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ; thanh thải dòng chảy dưới cầu, gỡ cây trôi mắc vào mố, trụ cầu.

Đơn vị: 01 cầu

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cầu (m)			
				300	< 300 - ≤ 400	< 400 - ≤ 500	< 500 - ≤ 600
BDC.220	Thanh thải dòng chảy dưới cầu	- Nhân công 4/7	công	2,13	2,69	3,29	3,89
		- Máy thi công + Thuyền máy (hoặc Canô 90CV)	ca	0,57	0,753	0,954	1,129
				10	20	30	40

BDC.22100 Vá ổ gà mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vuông cạnh, đào mặt đường bê tông nhựa cũ, san phẳng, đầm nén, tưới nhựa bám dính, rải bê tông nhựa, đầm nén, hoàn thiện đảm bảo

yêu cầu kỹ thuật, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 10 m²

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép (cm)			
				4	5	6	7
BDC.221	Vá ổ gà mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn	- Vật liệu					
		+ Bê tông nhựa nóng hạt mịn	tấn	1,070	1,258	1,49	1,766
		+ Nhựa đường	kg	9,45	9,63	9,81	9,99
		+ Lưỡi cắt bê tông	cái	0,04	0,049	0,05	0,05
		- Nhân công 4/7	công	1,14	1,25	1,32	1,41
		- Máy thi công					
		+ Máy lu bánh thép 10T	ca	0,018	0,02	0,026	0,028
		+ Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
+ Nồi nấu nhựa	ca	0,024	0,024	0,026	0,026		
+ Máy khác	%	2	2	2	2		
			1	2	3	4	

7. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông

SE.31700 Sơn vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, giám sát an toàn, đánh rỉ, sơn 3 lớp (1 lớp chống rỉ, 2 lớp sơn màu) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh, dọn dẹp hiện trường; kiểm tra an toàn, đóng nguồn điện, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.317	Sơn vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	- Vật liệu		
		+ Sơn chống rỉ	kg	0,25
		+ Sơn màu	kg	0,50
		+ Vật liệu khác	%	1
		- Nhân công 3,5/7	công	0,43
				10

SE.35100 Thay module đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo dây kết nối đến thiết bị, tháo dỡ module cần thay thế, lắp đặt module mới, đấu nối dây kết nối đến thiết bị, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, cắt điện, giám sát an toàn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 modul

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công	Bảng xe nâng
SE.351	Thay module đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>			
		Modul đèn tín hiệu giao thông	cái	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,84	0,84
		<i>Máy thi công</i>			
		Xe nâng 12m	ca		0,21
				10	20

SE.35200 Thay dây lên đèn tín hiệu giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu nối dây lên đèn tại bảng điện cửa cột, tháo đầu nối dây lên đèn tại đèn tín hiệu, rút dây lên đèn cần thay thế, đo cắt dây lên đèn mới, luồn dây lên đèn mới, đấu nối dây lên đèn tại bảng điện cửa cột, đấu nối dây lên đèn tại đèn tín hiệu, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công	Bảng xe nâng
SE.352	Thay dây lên đèn tín hiệu giao thông	<i>- Vật liệu</i>			
		+ Dây cáp điện	m	1,02	1,02
		<i>- Nhân công 3,5/7</i>	công	0,035	0,028
		<i>- Máy thi công</i>			
		+ Xe nâng 12m	ca		0,014
				10	20

SE.35300 Thay thế tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu cáp nguồn, tháo đầu cáp điều khiển, tháo dỡ tủ điều khiển tín hiệu giao thông cũ, lắp đặt tủ điều khiển tín hiệu giao thông mới, lắp đặt đầu cáp nguồn, lắp đặt đầu cáp điều khiển, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, kiểm tra và chạy thử, giám sát an toàn, cảnh giới và báo hiệu khu vực làm việc, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.353	Thay thế tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>- Vật liệu</i>		
		+ Tủ điều khiển giao thông	bộ	1
		<i>- Nhân công</i>		
		+ Kỹ sư 4,0/8	công	0,125
		+ Công nhân 4,0/7	công	1,54
				10

SE.35400 Thay thế vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu cáp nguồn, tháo đầu cáp điều khiển, tháo dỡ tủ điều khiển tín hiệu giao thông cũ, lắp đặt vỏ tủ điều khiển tín hiệu giao thông mới, tháo dỡ, lắp đặt thiết bị trong tủ điều khiển, lắp đặt đầu cáp nguồn, lắp đặt đầu cáp điều khiển, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, kiểm tra và chạy thử, Giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 vỏ tủ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.354	Thay thế vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		Vỏ tủ điều khiển giao thông	cái	1
		<i>Nhân công</i>		
		Kỹ sư 4,0/8	công	0,06
		Công nhân 4,0/7	công	1,22
				10

SE.35500 Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, cắt điện, cảnh giới và báo hiệu khu vực, tháo bu lông chân cột, hạ cột xuống đất, chuyển cột mới vào sát vị trí móng cột, dựng cột vào vị trí lắp đặt, căn chỉnh cột cho thẳng, cố định cột, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

SE.35510 Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông bằng thủ công*Đơn vị tính: 1 cột*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông bằng thủ công	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Cột đèn tín hiệu giao thông	cột	1
		- <i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,26
				10

SE.35520 Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột không có cần vươn dùng cần trực ô tô*Đơn vị tính: 1 cột*

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột không có cần vươn dùng cần trực ô tô	- <i>Vật liệu</i>		
		+ Cột đèn tín hiệu giao thông không cần vươn	cột	1
		- <i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,76
		- <i>Máy thi công</i>		
		+ Cần trực ô tô loại 3 tấn	ca	0,39
				20

SE.35530 Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột có cần vươn dùng cần trục ô tô

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài cần vươn	
				≤ 5m	> 5m
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột có cần vươn dùng cần trục ô tô	- Vật liệu	cột	1	1
		+ Cột đèn tín hiệu giao thông có cần vươn			
		- Nhân công 3,5/7	công	1,97	2,45
		- Máy thi công	ca	0,33	0,33
		+ Xe nâng 12m			
+ Cần trục ô tô loại 3 tấn	ca	0,67	0,67		
				31	32

SE.35600 Thay thế cáp ngầm đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, làm sạch hai đầu ống luồn cáp, tháo kết nối đầu cáp, tháo dỡ cáp ngầm cũ, đo, cắt cáp mới, kéo, rải cáp mới, đấu nối đầu cáp, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 km

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.356	Thay thế cáp ngầm đèn tín hiệu giao thông	- Vật liệu	km	1,005
		+ Cáp ngầm		
		- Nhân công 3,5/7	công	5,5
		- Máy thi công	ca	0,03
+ Cần trục ô tô loại 3 tấn				
				20

SF.31600 Vệ sinh tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo thiết bị trong tủ điều khiển, vệ sinh các thiết bị trong tủ điều khiển, lắp thiết bị trong tủ điều khiển, đóng điện, kiểm tra hoạt động của tủ, vệ sinh dọn dẹp hiện trường. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 1 tủ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Vỏ tủ	Trong tủ
SF.316	Vệ sinh tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	Nhân công 3,5/7	công	0,06	0,46
		Nhân công 3,5/7			
				10	20

SF.31700 Vệ sinh đèn tín hiệu giao thông*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, vệ sinh đèn tín hiệu, lau rửa kính đèn, vệ sinh, dọn dẹp hiện trường, giám sát an toàn. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 1 đèn

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công	Bảng xe nâng
SF.317	Vệ sinh đèn tín hiệu giao thông	- <i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,063	0,127
		- <i>Máy thi công</i> + Xe nâng 12m	ca		0,032
				10	20

SF.31800 Căn chỉnh đèn tín hiệu giao thông (do bão, lốc xoáy làm xoay đèn)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, ngắt nguồn điện, chỉnh đèn cho phù hợp với tầm quan sát người tham gia giao thông, đóng nguồn điện. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 1 đèn

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công (chiều cao ≤3m)	Bảng xe nâng (chiều cao >3m)
SF.318	Căn chỉnh đèn tín hiệu giao thông (do bão, lốc xoáy làm xoay đèn)	- <i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,21	0,23
		- <i>Máy thi công</i> + Xe nâng 12m	công ca		0,11
				10	20

Chương III
MỘT SỐ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Phân loại đường thủy nội địa phục vụ quản lý; nội dung công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa

Theo quy định tại Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này.

2. Khối lượng công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Khối lượng công tác QLTX				
-	Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa tự tổ chức kiểm tra tuyên, kết hợp bảo dưỡng thường xuyên toàn bộ tuyến luồng	Lần/năm	52	52	52
-	Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công việc hoàn thành từng tuyến của các đơn vị bảo trì ĐTNĐ	Lần/năm	12	12	12
-	Kiểm tra đột xuất sau thiên tai	Lần/năm	3	3	3
2	Khối lượng công tác bảo trì đường thủy nội địa				
2.1	<i>Bảo trì báo hiệu</i>				
-	Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	Lần/năm/cột, biển	1	1	1
2.2	<i>Các công tác đặc thù trong quản lý, bảo trì đường thủy nội địa</i>				
-	Trực đảm bảo giao thông và thông tin điện thoại	Người/trạm/năm	1	1	1
-	Trực phòng chống bão lũ	Lần/năm/trạm	18	18	18
-	Quan hệ với địa phương bảo vệ báo hiệu và công trình giao thông	Lần/năm/trạm	12	12	12
-	Phát quang quanh báo hiệu	lần/năm/cột	2	2	2

3. Định mức công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa

3.1. Công tác quản lý thường xuyên

a) Hành trình kiểm tra tuyến; thay nguồn, thay đèn báo hiệu

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật tư, trang thiết bị và dụng cụ. Công nhân hành giang theo tàu hành trình đến vị trí thao tác (đối với thay nguồn, thay đèn báo hiệu). Tàu đi dọc theo tim luồng để kiểm tra tình hình tuyến, hệ thống báo hiệu (đối với kiểm tra).

Đơn vị tính: 01 Km

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tàu công tác
				Tàu từ 23cv đến dưới 50cv
1.01.1	Công tác kiểm tra tuyến, thay nguồn	Nhân công bậc 4,5/7	công	0,0467
		Máy thi công		Tốc độ bình quân 8km/h
			Ca/km	0,0178
				6

b) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công việc hoàn thành từng tuyến của các đơn vị bảo trì đường thủy nội địa

Đơn vị tính: 01 Km

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xuồng cao tốc
				Từ 30CV đến dưới 70CV
1.01.1	Công tác kiểm tra tuyến	Máy thi công		Tốc độ bình quân 24km/h
			Ca/km	0,0059

c) Kiểm tra đột xuất sau thiên tai

Đơn vị tính: 01 Km

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xuồng cao tốc
				Từ 30CV đến dưới 70CV
1.01.1	Kiểm tra tuyến	Máy thi công		Tốc độ bình quân 24km/h
			Ca/km	0,0059

3.2. Công tác bảo dưỡng đường thủy nội địa

a) Bảo dưỡng cột báo hiệu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ cạo (đánh) gỉ, máy mài cầm tay; dụng cụ và vật liệu sơn; dụng cụ gò, nắn.
- Cạo sơn; gõ, đánh gỉ, gò nắn (nếu có), lau chùi sạch sẽ biển.
- Sơn chống gỉ một lớp, sơn màu hai nước đúng quy tắc báo hiệu, đánh số báo hiệu.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc, kết thúc công việc.

Bảo dưỡng tại xưởng thành phần công việc chưa bao gồm công tác tháo, lắp và vận chuyển.

Đơn vị tính: 01 cột

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột sắt $\phi 160$	
				H=6,5m	
				Tại xưởng	Tại hiện trường
2.10.1	Bảo dưỡng cột báo hiệu bằng sắt thép	- Vật liệu			
		+ Sơn chống rỉ	kg	0,620	0,620
		+ Sơn màu	kg	1,100	1,100
		+ Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,088	-
		- Nhân công bậc 4,0/7	công	1,398	2,120
		- Máy thi công			
		+ Tàu công tác	ca	-	0,028
+ Máy mài cầm tay 1,0 kW	ca	0,132	-		
			1	2	

b) Bảo dưỡng biên báo hiệu bằng thép

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ cạo (đánh) gỉ; dụng cụ và vật liệu sơn; dụng cụ gò, nắn.
- Cạo sơn, gõ gỉ, gò nắn (nếu có), lau chùi sạch sẽ biên.
- Cạo sơn chống gỉ một lớp, sơn màu hai nước đúng quy tắc báo hiệu, đánh số báo hiệu.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc, kết thúc công việc.

Đơn vị tính: 01 biên

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại 1		Loại 2		Loại 3	
				Tại xưởng	Tại hiện trường	Tại xưởng	Tại hiện trường	Tại xưởng	Tại hiện trường
2.11.1	Bảo dưỡng biên hình vòng, hình thoi (sơn màu hai mặt)	Vật liệu							
		Sơn chống rỉ	kg	1,020	1,020	0,720	0,720	0,470	0,470
		Sơn màu	kg	1,080	1,080	1,270	1,270	0,840	0,840
		Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,145	-	0,102	-	0,067	-
		- Nhân công bậc 4,0/7	công	1,577	2,418	1,113	1,713	0,727	1,129
		- Máy thi công							
		Máy mài cầm tay 1,0 kW	ca	0,145	-	0,102	-	0,067	-
2.11.2	Bảo dưỡng biên hình vòng, hình thoi (sơn màu một mặt)	Vật liệu							
		Sơn chống rỉ	kg	1,020	1,020	0,720	0,720	0,470	0,470
		Sơn màu	kg	0,990	0,990	0,640	0,640	0,480	0,480
		Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,145	-	0,102	-	0,067	-
		- Nhân công bậc 4,0/7	công	1,577	1,976	1,113	1,400	0,727	0,922
		- Máy thi công							
		Máy mài cầm tay 1,0 kW	ca	0,145	-	0,102	-	0,067	-
2.11.4	Bảo dưỡng biên báo	Vật liệu Sơn chống rỉ	kg	0,640	0,640	0,450	0,450	0,330	0,330

	hiệu lý trình	Sơn màu	kg	0,630	0,630	0,450	0,450	0,340	0,340
	Km đường	Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,091	-	0,064	-	0,047	-
	sông	<i>Nhân công bậc 4,0/7</i>	công	0,990	1,246	0,696	0,870	0,510	0,642
		<i>Máy thi công</i> <i>Máy mài cầm tay 1,0 kW</i>	ca	0,091	-	0,064	-	0,047	-
2.11.6	Bảo dưỡng biển báo hiệu Ngã ba	<i>Vật liệu</i>							
		Sơn chống rỉ	kg	0,910	0,910	0,630	0,630	0,410	0,410
		Sơn màu	kg	1,610	1,610	1,120	1,120	0,720	0,720
		Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,129	-	0,089	-	0,058	-
	<i>Nhân công bậc 4,0/7</i>	công	1,407	2,177	0,974	1,521	0,634	0,967	
	<i>Máy thi công</i> <i>Máy mài cầm tay 1,0 kW</i>	ca	0,129	-	0,089	-	0,058	-	
2.11.8	Bảo dưỡng biển báo khoảng thông thuyền hình tròn	<i>Vật liệu</i>							
		Sơn chống rỉ	kg	0,720	0,720	0,500	0,500	0,320	0,320
		Sơn màu	kg	1,270	1,270	0,880	0,880	0,560	0,560
		Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,102	-	0,071	-	0,045	-
	<i>Nhân công bậc 4,0/7</i>	công	1,113	1,397	0,773	0,969	0,495	0,620	
	<i>Máy thi công</i> <i>Máy mài cầm tay 1,0 kW</i>	ca	0,102	-	0,071	-	0,045	-	
2.11.9	Bảo dưỡng biển báo hiệu C1.1.3, C1.1.4	<i>Vật liệu</i>							
		Sơn chống rỉ	kg	0,100	0,100	0,070	0,070	0,050	0,050
		Sơn màu	kg	0,090	0,090	0,060	0,060	0,040	0,040
		Bàn chải máy $\phi 90$ - $\phi 120$	cái	0,014	-	0,010	-	0,007	-
	<i>Nhân công bậc 4,0/7</i>	công	0,155	0,198	0,108	0,137	0,077	0,088	
	<i>Máy thi công</i> <i>Máy mài cầm tay 1,0 kW</i>	ca	0,014	-	0,010	-	0,007	-	
				1	2	3	4	5	6

c) Sơn màu cột biển tuyên truyền luật, biển thước nước ngược

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị: Trang thiết bị bảo hộ lao động, dụng cụ, vật liệu.
- Lau chùi sạch sẽ cột, biển.
- Sơn màu hai nước theo đúng quy tắc báo hiệu.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc, kết thúc công việc.

Đơn vị tính: 01 m²

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
2.15.1	Sơn màu cột biển tuyên truyền luật, biển thước nước ngược	<i>Vật liệu</i>		
		Sơn trắng gi	kg	
		Sơn màu	kg	0,249
		<i>Nhân công bậc 4,0/7</i>	công	0,0175
	<i>Máy thi công</i>	ca	0,028	

d) Một số công tác đặc thù trong lĩnh vực đường thủy nội địa

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
3.12.61	Trực đảm bảo giao thông và thông tin điện thoại	Vật liệu	-	-
		Nhân công bậc 5,5/7	Công/vị trí/năm	365
		Máy thi công	-	-
3.12.68	Trực phòng trông bảo lữ	Vật liệu	-	-
		Nhân công bậc 4,5/7	Công/ngày	5
		Máy thi công	-	-
3.12.70	Quan hệ với địa phương bảo vệ báo hiệu và công trình giao thông	Vật liệu	-	-
		Nhân công bậc 5,5/7	Công/xã/phường/lần	0,5
		Máy thi công	-	-
3.12.71	Phát quang cây cối che khuất báo hiệu	Vật liệu	-	-
		Nhân công bậc 4,5/7	Công/cột/lần	0,2
		Máy thi công	-	-

Chương IV
MỘT SỐ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÂY XANH, ĐIỆN CHIẾU SÁNG

1. Duy trì thảm cỏ

CX1.01.00 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thảm cỏ được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m² (cỏ thuần chủng); 6 lít/m² (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 140 lần/năm.

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Bơm xăng	Bơm điện
CX1.01.10	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm	<i>Vật liệu:</i>	m ³	0,5	0,5
		- Nước tưới			
		<i>Nhân công:</i>	công	0,068	0,09
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7			
		<i>Máy thi công:</i>	ca	0,068	-
		- Máy bơm chạy xăng 3 CV	ca	-	0,09
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW			
				1	2

CX1.01.30 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng xe bồn

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³
CX1.01.30	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng xe bồn	<i>Vật liệu:</i>	m ³	0,5	0,5
		- Nước tưới			
		<i>Nhân công:</i>	công	0,099	0,099
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7			
		<i>Máy thi công:</i>	ca	0,0297	0,0189
		- Xe bồn			
				1	2

CX1.02.00 Phát thảm cỏ thuần chủng và thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phát thảm cỏ thường xuyên, duy trì thảm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phản hoặc dùng liềm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30 m.

CX1.02.10 Phát thảm cỏ bằng máy

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Thảm cỏ thuần chủng	Thảm cỏ không thuần chủng
CX1.02.10	Phát thảm cỏ bằng máy	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,145	0,108
		<i>Máy thi công:</i> - Máy cắt cỏ công suất 3 CV	ca	0,0603	0,045
				1	2

CX1.04.00 Làm cỏ tạp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuần chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30 m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX1.04.00	Làm cỏ tạp	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,30
				1

CX1.05.00 Trồng dặm cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30 m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Cỏ lá tre	Cỏ nhung
CX1.05.00	Trồng dặm cỏ	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cỏ	kg	2,5	1,07
		- Nước	m ³	0,049	0,015
		- Phân vi sinh	kg	0,2	0,2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,137	0,077
				1	2

2. Duy trì cây trang trí

CX2.01.00 Duy trì bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30 m.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

CX2.01.10 Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Bơm xăng	Bơm điện	
CX2.01.10	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm	<i>Vật liệu:</i>				
		- Nước tưới	m ³	0,5	0,5	
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	0,072	0,09	
		<i>Máy thi công:</i>				
		- Máy bơm chạy xăng 3 CV	ca	0,072	-	
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	-	0,09	
				1	2	

CX2.01.30 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn*Đơn vị tính: 100 m²/lần*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³
CX2.01.30	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn	<i>Vật liệu:</i>	m ³	0,5	0,5
		- Nước tưới			
		<i>Nhân công:</i>	công	0,10	0,10
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7			
		<i>Máy thi công:</i>	ca	0,03	0,019
		- Xe bồn			
				1	2

CX2.05.00 Duy trì bồn cảnh lá màu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m²/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Có hàng rào	Không hàng rào
CX2.05.00	Duy trì bồn cảnh lá màu	<i>Vật liệu:</i>	Cây	320	480
		- Cây cảnh			
		- Phân vi sinh	Kg	8,5	12
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,05	0,06
		<i>Nhân công:</i>	công	17,73	22,31
		- Bạc thợ bình quân 4/7			
				1	2

CX2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viền*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- Bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m²/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Cao < 1 m	Cao ≥ 1 m
CX2.06.00	Duy trì cây hàng rào, đường viền	<i>Vật liệu:</i>	kg	6,7	6,7
		- Phân vi sinh			
		<i>Nhân công:</i>	công	12,15	19,3
		- Bậc thợ bình quân 4/7		1	2

CX2.08.00 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m²; số lần tưới 150 lần/năm.

CX2.08.10 Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm

Đơn vị tính: 100 cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Bơm xăng	Bơm điện
CX2.08.10	Tưới nước giếng khoan cây ra hoa, tạo hình bằng máy bơm	<i>Vật liệu:</i>	m ³	0,5	0,5
		- Nước tưới			
		<i>Nhân công:</i>	công	0,068	0,09
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7			
		<i>Máy thi công:</i>	ca	0,068	-
		- Máy bơm chạy xăng 3 CV	ca	-	0,09
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW		1	2

CX2.08.30 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn

Đơn vị tính: 100 cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³
CX2.08.30	Tưới nước cây ra hoa, tạo hình bằng xe bồn	<i>Vật liệu:</i>	m ³	0,5	0,5
		- Nước tưới			
		<i>Nhân công:</i>	công	0,099	0,88
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7			
		<i>Máy thi công:</i>	ca	0,0297	0,0171
		- Xe bồn		1	2

CX2.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2.11.00	Duy trì cây cảnh tạo hình	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	Kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	38,52
				1

3. Duy trì cây bóng mát**Phân loại cây bóng mát:**

- Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- Cây bóng mát trồng sau 2 năm:
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây ≤ 20 cm.
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc ≤ 50 cm.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc > 50 cm.

CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng*Thành phần công việc:*

- Tưới nước ướt đầm gốc cây.
- Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: cắt tỉa cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện, trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX3.01.00	Duy trì cây bóng mát mới trồng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước tưới	m ³	2,4
		- Phân vi sinh	kg	6,0
		- Cây chống fi 60	cây	3
		- Dây kẽm 1 mm	kg	0,02
		- Vật liệu khác	%	1,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	1,044
		<i>Máy thi công:</i>		
		- Xe bồn 5m ³	ca	0,108
				1

CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại 1*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX3.03.00	Duy trì cây bóng mát loại 1	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		- Cây chống fi 60	cây	0,2
		- Nẹp gỗ	cây	0,2
		- Đinh	kg	0,005
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,405
				1

CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX3.04.00	Duy trì cây bóng mát loại 2	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	2,55
		<i>Máy:</i>		
- Xe thang cao 12m	ca	0,038		
- Cưa cầm tay	ca	0,238		
				1

- Chiều dài tuyến trạm 500 ÷ 1000m K1 = 0,5
- Chiều dài tuyến trạm < 500m Kv = 1,2
- Trạm trong ngõ xóm nội thành Kv = 1,1
- Trạm trong khu tập thể dân cư nội thành Kv = 1,2
- Trạm ngoại thành

CS.6.01.70 Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng

Thành phần công việc:

- Hàng ngày kiểm tra máy, dàn, ghi nhật ký.
- Kiến nghị sửa đổi khi có sự cố.

Đơn vị tính: 1trạm/ngày

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.6.01.70	Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,32

5. Duy trì lưới điện chiếu sáng

CS.5.01.00 Thay bóng đèn sợi tóc, đèn cao áp, đèn ống

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển vật tư đến địa điểm thay lắp.
- Cảnh giới đảm bảo giao thông.
- Kiểm tra sửa chữa các chi tiết lưới.
- Tháo và lắp bóng; tháo và lắp kính + lớp đèn.
- Giám sát an toàn, hoàn thiện.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS.5.01.20 Thay bóng cao áp

CS.5.01.2a Thay bóng cao áp bằng máy

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
				10m ≤ H < 18m
CS.5.01.2a	Thay bóng cao áp bằng máy	<i>Vật tư, vật liệu:</i>		
		- Bóng cao áp	bóng	20
		- Dây điện 1x1	m	6
		- Đui E40	đui	2
		<i>Nhân công:</i>		
- Bậc thợ bình quân 4/7	công	5		
<i>Máy thi công:</i>				
- Xe nâng - chiều cao nâng: tới 18m	ca	1,2		
				2

CS.5.03.00 Thay chân lưu (hoặc bộ môi) và bóng*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, kiểm tra chi tiết.
- Tháo vỏ lớp, chân lưu, bộ môi, bóng cũ.
- Thay chân lưu mới, bộ môi mới, bóng mới.
- Lắp vỏ lớp, đấu điện, kiểm tra.
- Dọn dẹp hiện trường.

CS.5.03.30 Thay chân lưu hoặc bộ môi*Đơn vị tính: 01 bộ*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức 10m≤H<12m
CS.5.03.3	Thay chân lưu	<i>Vật tư, vật liệu:</i> - Chân lưu	cái	1
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,8
		<i>Máy thi công:</i> - Xe nâng - chiều cao nâng: tới 12m	ca	0,18
				2

CS.5.13.10 Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo choá, kiểm tra tiếp xúc, vệ sinh choá, kính.
- Lắp choá, giám sát an toàn.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức 10m≤H<12m
CS.5.13.1	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp	<i>Vật tư, vật liệu:</i> - Giẻ lau	cái	1
		- Xà phòng	kg	0,01
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	0,4
		<i>Máy thi công:</i> - Xe nâng - chiều cao nâng: tới 12m	ca	0,07
				2

6. Công tác quét, gom rác trên hè, đường**MT1.04.00 Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở góc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.

- Dùng xẻng, chổi tua sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hàm ếch.
- Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m³) (nếu có); bấm nhổ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên phương tiện chứa.
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1.04.00	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,8

Ghi chú: Định mức quy định hao phí nhân công công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch phải nhân thêm hệ số 0,8.

MT5.01.00 Công tác quét đường bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động
- Xe ô tô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h.
- Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi quy định.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT5.01.00	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	<i>Vật tư:</i>		
		- Chổi xe quét hút	bộ	0,004
		- Nước sạch	m ³	0,15
		<i>Máy thi công:</i>		
		- Ô tô quét hút 5-7m ³	ca	0,04

Ghi chú: Định mức quy định hao phí nhân công và máy thi công công tác quét đường bằng cơ giới phải được điều chỉnh theo các hệ số K = 0,80./.